BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Số: 508/SPS-BNNMT

V/v đề nghị thông báo và góp ý dự thảo quy định về biện pháp SPS của Thành viên WTO tháng 10/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

Kính gửi:
- Các Cục: Chăn nuôi và Thú y; Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Thủy sản và Kiểm ngư; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường);
- Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương);
- Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố.

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 21/9/2025 - 20/10/2025 của Thành viên Tổ chức thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: **64,** trong đó:

- Thông báo dự thảo lấy ý kiến: **49**
- Thông báo có hiệu lực: **15**

2. Một số thông báo cần lưu ý:

- Thị trường Trung Quốc: Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) ban hành Nghị định 280 ngày 14/10/2025 về việc đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài, thay thế Nghị định 248, có hiệu lực ngày 01/6/2025. Chi tiết tại website: http://www.spsvietnam.gov.vn/tong-cuc-hai-quan-trung-quoc-ban-hanh-quy-dinh-dang-ky-co-so-san-xuat-thuc-pham-nhap-khau-o-nuoc-ngoai -nghi-dinh-280;

- Thị trường Liên minh châu Âu: (1) Dự thảo danh sách sản phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm phụ từ động vật và sản phẩm hỗn hợp chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới: dự thảo này đề xuất cập nhật Phụ lục Quy định thực thi (EU) 2021/632 để bổ sung 11 nhóm mã HS mới vào danh sách kiểm soát, gồm các sản phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm phụ từ động vật và sản phẩm hỗn hợp (ví dụ: nhựa cây; nước ép trái cây chế biến nhất định; chế phẩm từ protein; nguyên liệu hóa chất hữu cơ; thuốc; phân bón; chế phẩm hóa học công nghiệp...); (2) Chính thức thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) cho chất Fluralaner trong các thực phẩm có nguồn gốc động vật; (3) Chính thức thiết lập dư lượng tối đa (MRL) asen vô cơ trong cá và hải sản khác; (4) Từ chối cấp phép chiết xuất bồ công anh lớn từ *Arctium lappa* L., nhân sâm từ *Panax ginseng* C.A. Meyer làm phụ gia thức ăn cho mèo và chó;

- Thị trường Nhật Bản: (1) Đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu Clofentezine, Cyclopyranil, Esprocarb, Ethaboxam, Isotianil, Mandipropamid, Picarbutrazox, Polyoxorim-zinc, Thiobencarb, Trifloxystrobin, Validamycin. Tùy từng hoạt chất được áp dụng đối với một số sản phẩm: gạo (lật), hành tây, hành lá, cà tím, ớt ngọt, rau diếp, cần tây, cà chua, chanh vàng, chanh xanh, các loại quả có múi…; (2) thiết lập quy định miễn trừ yêu cầu về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi Acetylcysteine; (3) Nhật Bản phê duyệt danh mục các chất được phép sử dụng cho nhựa tổng hợp ("synthetic resin") dùng trong dụng cụ, đồ chứa và bao bì thực phẩm, theo Luật vệ sinh thực phẩm; (4) Chính thức thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) hóa chất nông nghiệp Fluazinam, Flupyrimin, Mandestrobin;

- Thị trường Canada: lấy ý kiến góp ý về việc cập nhật Danh mục các loài thủy sinh nhạy cảm, bao gồm: (1) Bổ sung hoặc loại bỏ một số loài khỏi danh mục; (2) Thay đổi danh mục bệnh liên quan đến các loài hiện có trong danh sách. Các loài được liệt kê trong danh sách này có thể phải có giấy phép nhập khẩu (import permit) và chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản (zoosanitary export certification) khi xuất khẩu sang Canada. Do đó, cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cần tham khảo Danh mục các loài thủy sinh nhạy cảm để xác định các bệnh cần được kiểm soát trước khi cấp chứng nhận xuất khẩu;

- Thị trường Úc: (1) Công bố báo cáo dự thảo Đánh giá các yêu cầu xử lý bất hoạt đối với nhập khẩu hoa cắt cành và lá trang trí; (2) Thông báo về biện pháp khẩn cấp đối phó với mọt cứng đốt khapra. Biện pháp này bao gồm yêu cầu xử lý bắt buộc trước khi nhập khẩu đối với các sản phẩm thực vật có nguy cơ cao (như gạo, đậu, đậu lăng, v.v.) được đóng gói tại các quốc gia có nguy cơ mục tiêu đối với mọt cứng đốt khapra;

- Thị trường Niu Di-lân: Bộ các ngành Công nghiệp Cơ bản (MPI) đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn Kiểm dịch Thực vật đối với Cây trồng để gieo trồng (Plants for Planting Import Health Standard – 155.02.06). Các sửa đổi được đề xuất sẽ bổ sung 28 loài dịch hại vào danh mục dịch hại của 24 chi cây ký chủ. Để quản lý rủi ro mà các loài dịch hại này có thể gây ra cho Niu Di-lân, MPI đề xuất bổ sung các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với từng nhóm cây chủ bị ảnh hưởng. Các cập nhật này bao gồm các lựa chọn sau: (1) Yêu cầu kiểm tra trong giai đoạn kiểm dịch sau nhập khẩu; (2) Kéo dài thời gian kiểm dịch sau nhập khẩu; (3) Yêu cầu khai báo vùng không có dịch hại trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;

- Thị trường Đài Loan (Trung Quốc): Sửa đổi "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong" liên quan đến Điều 10 (Phụ lục 8-2) của "Quy định về nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch động vật";

- Thị trường I-xra-en thông báo: (1) áp dụng Quy định (EU) số 2024/2895 ngày 20/11/2024 của Liên minh châu Âu, quy định này sửa đổi Quy

định (EC) số 2073/2005 về các tiêu chí vi sinh vật đối với thực phẩm; (2) áp dụng Quy định (EC) số 396/2005 của Liên minh châu Âu về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật (MRLs) trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật, động vật. I-xra-en đề xuất áp dụng toàn bộ các sửa đổi nêu trên của Liên minh châu Âu mà không có điều kiện, ngoại lệ hay mở rộng thêm, đặc biệt liên quan đến mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm;

- Thị trường Phi-líp-pin: Sửa đổi cơ chế quản lý hiện hành đối với việc nhập khẩu vào Phi-líp-pin các sản phẩm nông nghiệp, cá, sản phẩm và phụ phẩm thủy sản/nguồn gốc thủy sinh, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các sản phẩm hóa chất nông nghiệp khác.

(Thông tin tóm tắt và nội dung chi tiết các thông báo tại phụ lục kèm theo)

Văn phòng SPS Việt Nam đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và thông báo cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm xuất khẩu liên quan đến các mặt hàng và thị trường nêu trên để có điều chỉnh phù hợp.

Thông tin góp ý đối với các thông báo dự thảo của Thành viên WTO (nếu có) gửi về Văn phòng SPS Việt Nam[1] trước (05 ngày) thời hạn nhận góp ý của thông báo.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- TTr. Trần Thanh Nam (để b/cáo);
- TTr. Phùng Đức Tiến (để b/cáo);
- TTr. Hoàng Trung (để b/cáo);
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu VT (DDH).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG THÔNG BÁO VÀ ĐIỂM HỎI ĐÁP QUỐC GIA VỀ VỆ SINH DỊCH TỄ VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT VIỆT NAM

Ngô Xuân Nam

[1] Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội; điện thoại: 024 37344764; email: spsvietnam@mae.gov.vn

Phụ lục:

THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

từ ngày 20/9/2025 - 21/10/2025

(Kèm theo công văn số: 508 /SPS-BNNMT, ngày 18 tháng 11 năm 2025)

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1.	G/SPS/N/ISR/11	ATTP	I-xra-en	20/10/2025	Thông báo Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) (Áp dụng các sửa đổi đối với Phụ lục của các Chỉ thị Liên minh châu Âu) (Quy định số 2073/2005 – Liên quan đến các tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm), 5785-2025	I-xra-en thông báo việc áp dụng bản sửa đổi mới nhất của Quy định (EU) số 2024/2895 ngày 20/11/2024 của Liên minh châu Âu, quy định này sửa đổi Quy định (EC) số 2073/2005 về các tiêu chí vi sinh vật đối với thực phẩm. Sửa đổi chủ yếu liên quan đến vi khuẩn *Listeria monocytogenes* trong thực phẩm chế biến sẵn có khả năng hỗ trợ sự phát triển của vi khuẩn này. - Nếu cơ sở sản xuất không chứng minh được rằng mức *Listeria monocytogenes* sẽ không vượt quá 100 cfu/g trong suốt thời hạn sử dụng, thì sản phẩm phải đạt tiêu chí "Không phát hiện vi khuẩn trong 25g". - Tiêu chí này áp dụng từ giai đoạn sản xuất đến hết hạn sử dụng đối với thực phẩm chế biến sẵn không dành cho trẻ sơ sinh hoặc mục đích y tế đặc biệt. I-xra-en đã từng áp dụng Quy định 2073/2005 của EU vào Luật An toàn Thực phẩm quốc gia (Food Law 5776–2015) qua các lần sửa đổi trước đó (Amendments No. 3 và No. 10). Tuy nhiên, một số ngoại lệ và sửa đổi vẫn còn hiệu lực - được quy

						định tại Phụ lục II (cột A và C), cũng như mục 3a(a1)–(a5) của Luật. Vì vậy, Israel thông báo về việc cập nhật tiêu chuẩn mới, một số điểm trong quy định của EU (ví dụ yêu cầu "not detected in 25 g") đã được I-xra-en áp dụng trước đó, nên tác động thực tế của thay đổi lần này là không lớn.
2.	G/SPS/N/ISR/12	ATTP, TTBVTV	I-xra-en	20/10/2025	Thông báo Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) (Áp dụng các sửa đổi đối với Phụ lục của các Chỉ thị Liên minh châu Âu) (Quy định EC 396/2005 – Giới hạn dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật), 5785-2025	I-xra-en đã thông báo việc áp dụng các sửa đổi mới nhất của Liên minh châu Âu (EU) đối với Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật (MRLs) trong hoặc trên thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật, động vật. Cụ thể, ngày 14/5/2025, Bộ Y tế I-xra-en đã ban hành Chỉ thị Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm)/5785-2025, nhằm cập nhật 21 thay đổi gần đây nhất của EU trong Quy định (EC) số 396/2005, hợp nhất vào văn bản quy phạm hiện hành của nước này. Bản cập nhật có hiệu lực theo quy định của EU đến ngày 12/5/2025 và được đăng tải trên trang thông tin của Cục Dịch vụ Thực phẩm Quốc gia I-xra-en. I-xra-en đề xuất áp dụng toàn bộ các sửa đổi nêu trên của EU mà không có điều kiện, ngoại lệ hay mở rộng thêm, đặc biệt liên quan đến mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm. Các ngoại lệ trước đây nêu tại Cột A của Phụ lục II A vẫn tiếp tục được duy trì. Những thay đổi cụ thể bao gồm việc áp dụng sáu quy định sửa đổi mới của EU, điều chỉnh giới hạn MRLs đối với nhiều hoạt chất như: zoxamide, acetamiprid, fenbuconazole, penconazole, cycloxydim, dichlorprop-P, flupyradifurone, methyl nonyl ketone, các loại dầu thực vật (citronella oil), potassium sorbate, potassium phosphonate, cyantraniliprole, cyflumetofen, deltamethrin,

<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>mefentrifluconazole, mepiquat, oxathiapiprolin, chlorpropham, fuberidazole, ipconazole, methoxyfenozide, S-metolachlor và triflusulfuron.
Các quy định này lần lượt có hiệu lực từ ngày 24/8/2025 và 6/1/2026.</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>G/SPS/N/CAN/1618</td><td>ATTP, CNTY</td><td>Canada</td><td>14/10/2025</td><td>Đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất Isocycloseram (PMRL2025-21)</td><td>Canada thông báo Dự thảo thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất isocycloseram trong hoặc trên nhiều loại nông sản và sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật.
Cơ quan Quản lý Dịch hại (PMRA), thuộc Bộ Y tế Canada tiến hành tham vấn công chúng đối với tài liệu “Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Isocycloseram (PMRL2025-21)”. Cụ thể, các mức MRL (tính bằng phần triệu – ppm) được đề xuất như sau:
<table>
<tr><td>Mức MRL (ppm)</td><td>Sản phẩm nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc sản phẩm đã qua chế biến</td></tr>
<tr><td>0,04</td><td>Mỡ của trâu, bò, dê, ngựa và cừu</td></tr>
<tr><td>0,015</td><td>Phụ phẩm thịt của trâu, bò, dê, ngựa và cừu</td></tr>
<tr><td>0,01</td><td>Mỡ của lợn và gia cầm; thịt của trâu, bò, lợn, ngựa, gia cầm và cừu; phụ phẩm thịt của lợn và gia cầm; trứng, sữa, lúa mạch, yến mạch, lúa mạch đen, lúa mì lai (triticale) và lúa mì</td></tr>
</table>
(1 ppm = một phần triệu)
Mục tiêu của dự thảo là xác định giới hạn dư lượng tối đa an toàn cho hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật isocycloseram trong thực phẩm và nguyên liệu nông nghiệp nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe người tiêu dùng và tuân thủ các chuẩn quốc tế.</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>G/SPS/N/IND/334</td><td>CNTY</td><td>Ấn Độ</td><td>14/10/2025</td><td>Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm</td><td>Ấn Độ Dự thảo quy định mẫu Giấy chứng nhận</td></tr>
</table>

					dịch thú y đối với trứng và sản phẩm từ trứng gia cầm nhập khẩu vào Ấn Độ	Thú y (Veterinary Health Certificate – VHC) bắt buộc đối với các lô hàng trứng và sản phẩm trứng nhập khẩu. Giấy chứng nhận này phải do Cơ quan Thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, xác nhận sản phẩm đáp ứng yêu cầu về an toàn dịch bệnh và vệ sinh thú y, phù hợp với chuẩn mực của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH/OIE). Các nội dung chính bao gồm: - Nước xuất khẩu phải không có dịch Cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) trong vòng 12 tháng trước khi xuất khẩu. - Trứng và sản phẩm trứng phải được rửa sạch, khử trùng hoặc xử lý nhiệt để loại bỏ mầm bệnh như *Salmonella*. - Sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì mới, sạch, có nhãn rõ ràng và có khả năng truy xuất nguồn gốc. - Giấy chứng nhận phải được ký và đóng dấu bởi cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu.
5.	G/SPS/N/IND/335	CNTY	Ấn Độ	14/10/2025	Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với gia cầm sống/gia cầm một ngày tuổi/trứng ấp gia cầm nhập khẩu vào Ấn Độ	Dự thảo quy định mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y (Veterinary Health Certificate) bắt buộc đi kèm với các lô hàng gia cầm và trứng ấp nhập khẩu. Giấy chứng nhận phải được cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu ký xác nhận, đảm bảo rằng: - Lô hàng xuất phát từ khu vực không có dịch cúm gia cầm (Avian Influenza) trong thời gian quy định trước khi xuất khẩu. - Đàn gia cầm không có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm trong thời gian cách ly, kiểm tra. - Quá trình thu gom, bao gói, khử trùng và vận chuyển được thực hiện trong điều kiện an toàn sinh học. - Đối với trứng ấp, phải được thu hoạch, xử lý và

						bảo quản trong môi trường vệ sinh, không nhiễm bệnh.
6.	G/SPS/N/IND/336	CNTY	Ấn Độ	14/10/2025	Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với thịt gia cầm và sản phẩm từ thịt gia cầm nhập khẩu vào Ấn Độ	Dự thảo quy định mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y áp dụng cho các lô hàng thịt gia cầm và sản phẩm từ thịt gia cầm nhập khẩu. - Yêu cầu thịt gia cầm nhập khẩu phải có nguồn gốc từ vùng, khu vực hoặc cơ sở không có dịch cúm gia cầm (Avian Influenza) và Newcastle Disease, hoặc được công nhận "miễn dịch dịch bệnh" theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH). - Sản phẩm phải được chế biến tại cơ sở được cơ quan thú y nước xuất khẩu phê duyệt, bảo đảm an toàn sinh học, không có thịt bò, và không sử dụng thức ăn chứa nội tạng hoặc bột xương động vật có vú. - Yêu cầu về kiểm soát vi sinh vật, dư lượng thuốc thú y và quy trình xử lý nhiệt để tiêu diệt mầm bệnh. - Khi nhập khẩu, sản phẩm sẽ bị kiểm tra và lấy mẫu ngẫu nhiên; lô hàng vi phạm có thể bị từ chối nhập hoặc buộc xử lý tiêu hủy.
7.	G/SPS/N/IND/337	CNTY	Ấn Độ	14/10/2025	Dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với thịt cừu và sản phẩm từ thịt cừu nhập khẩu vào Ấn Độ	Dự thảo quy định Giấy chứng nhận phải được cấp bởi cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu, bao gồm thông tin về người xuất khẩu, người nhập khẩu, xuất xứ, mã HS, số lô, ngày sản xuất, cơ sở giết mổ/chế biến được phê duyệt. Cụ thể: - Sản phẩm phải xuất phát từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ không có các bệnh truyền nhiễm lớn như encephalopathies dạng bọt truyền nhiễm (TSE), bệnh lở mồm long móng (Foot and Mouth Disease), sốt Rift Valley, bệnh Bệnh cừu Nairobi (Nairobi Sheep Disease) và các bệnh khác theo danh sách của WOAH. - Sản phẩm phải được chế biến tại cơ sở giết

						mổ/chế biến được cơ quan thú y nước xuất khẩu phê duyệt, không được dùng thịt bò hoặc phụ phẩm bò tại cơ sở chế biến hoặc trộn vào sản phẩm từ thịt cừu. - Sản phẩm phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh, kiểm soát vi sinh (như *Salmonella, Campylobacter*), dư lượng thuốc thú y/thuốc bảo vệ thực vật, và không dùng nội tạng hoặc bột xương bò tại thức ăn hoặc phụ phẩm của cừu.
8.	G/SPS/N/USA/3532	ATTP, TTBVTV	Hoa Kỳ	13/10/2025	Tiếp nhận các kiến nghị về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau – Tháng 7 năm 2025	Cơ quan Môi trường Hoa Kỳ (US Environmental Protection Agency – EPA) thông báo đã nhận được các kiến nghị yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi quy định về mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại nông sản khác nhau. - EPA tham vấn công chúng, yêu cầu nhận ý kiến trước ngày 29/10/2025. - Thông báo nêu rõ EPA có thẩm quyền theo Điều 408 của Luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (FFDCA) để quản lý các mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. - Các đơn kiến nghị được liệt kê kèm thông tin: tên người nộp đơn, hóa chất, hàng hóa đối tượng, phương pháp phân tích nếu có, và trình tự xử lý tiếp theo. - EPA nhấn mạnh rằng việc đăng thông báo này không đồng nghĩa với việc đã chấp thuận các yêu cầu; còn phải xem xét dữ liệu, khả năng điều chỉnh đề xuất và đảm bảo phù hợp với chuẩn quốc tế. Thông tin chi tiết truy cập đường link: https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2025-09-29/html/2025-18902.htm
9.	G/SPS/N/USA/3531	CNTY	Hoa Kỳ	13/10/2025	Đề xuất loại bỏ danh mục chất tạo màu Orange B dùng trên vỏ hoặc bề mặt xúc xích; đề xuất	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đề xuất ban hành lệnh hủy bỏ quy định về chất tạo màu “Orange B” (một loại phẩm màu tổng

					sửa đổi; dự thảo quyết định	hợp) được phép sử dụng trên vỏ hoặc bề mặt xúc xích, lạp xưởng và các sản phẩm tương tự. Lý do: Dựa trên dữ liệu chứng nhận, Orange B đã không còn được sử dụng trong các sản phẩm này và không được cấp phép chứng nhận sử dụng làm phụ gia màu trong thực phẩm tại Hoa Kỳ kể từ năm 1978. Do đó, FDA kết luận rằng quy định hiện hành đã lỗi thời và không cần thiết, nên đề xuất bãi bỏ danh mục phụ gia màu này.
10.	G/SPS/N/EGY/167 /Corr.1	BCT	Ai Cập	13/10/2025	Nghị định Bộ trưởng số 248/2025 quy định các nhà sản xuất và nhập khẩu được hưởng thời gian chuyển tiếp sáu tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 8390 "Tiêu chuẩn chung đối với pho mát"	Nội dung chính của thông báo là xác nhận tiêu chuẩn này phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế Codex CXS 283-1978 (trước đây là CODEX A-6-1973), được thông qua năm 1978, và sửa đổi vào các năm 1999, 2006, 2008, 2010, 2013, 2018, 2021, 2022 và 2024; đồng thời hướng dẫn các cơ quan và doanh nghiệp về việc áp dụng trong thời gian chuyển tiếp.
11.	G/SPS/N/PHL/533	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TTBVTV	Phi-líp-pin	13/10/2025	Quy định và quy tắc quản lý việc nhập khẩu vào Phi-líp-pin đối với nông sản, cá, sản phẩm và phụ phẩm thủy sản/nguồn gốc thủy sinh, thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu và phụ gia thức ăn chăn nuôi; cùng với phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các sản phẩm hóa chất nông nghiệp khác.	Thông tư này nhằm sửa đổi cơ chế quản lý hiện hành đối với việc nhập khẩu vào Phi-líp-pin các sản phẩm nông nghiệp, cá, sản phẩm và phụ phẩm thủy sản/nguồn gốc thủy sinh, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các sản phẩm hóa chất nông nghiệp khác, phù hợp với những diễn biến pháp lý mới nhất. Mục tiêu của thông tư là bảo vệ sức khỏe con người, động vật và thực vật khỏi các rủi ro liên quan đến chất gây ô nhiễm, dịch hại và bệnh tật, cụ thể: - Cây trồng, sản phẩm thực vật và các vật liệu liên quan có khả năng mang dịch hại thực vật (ví dụ: hạt giống, trái cây tươi, rau, sợi, ngũ cốc, cây trồng biến đổi gen, vật liệu bao gỗ) (mã HS: 06–15, 44); - Động vật sống; sản phẩm và phụ phẩm động vật; các sản phẩm có nguồn gốc động vật khác như phôi, tinh dịch, trứng, mật ong - ở dạng tự nhiên, chế biến hoặc gia công; các sản phẩm động vật

						chưa qua xử lý hoặc thuộc da có nguồn gốc ngoại lai, như da, lông, phân động vật (mã HS: 01, 02, 04, 05); - Thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu, phụ gia và chất bổ sung thức ăn chăn nuôi, thức ăn cho thú cưng và các sản phẩm thức ăn khác (mã HS: 23); - Thịt và các phụ phẩm từ thịt, ở dạng tự nhiên (đông lạnh/làm mát), chế biến, hoặc bán chế biến (chưa được xử lý nhiệt hoặc nấu chín hoàn toàn) (mã HS: 02, 16); - Mẫu sinh học trong phòng thí nghiệm có nguồn gốc từ động vật hoặc sản phẩm động vật (ví dụ: máu, huyết thanh, tế bào tụy, tế bào thần kinh, v.v.) (mã HS: 30.02, 30.04); - Sản phẩm hòa tan trong nước dùng trong thức ăn chăn nuôi không có tác dụng điều trị (mã HS: 23); - Cá và các sản phẩm thủy sản, thủy sinh sống, tươi, làm mát hoặc đông lạnh, bao gồm vi sinh vật, phân tử sinh học, tảo giống; - Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất nông nghiệp khác dùng trong bảo vệ cây trồng và trong cơ sở chăn nuôi (mã HS: 31, 38); - Tác nhân kiểm soát sinh học (BCA) giới hạn ở các loại có nguồn gốc sinh học hợp lý (mã HS: 38.08, 30.02.90); - Hàng hóa do Bộ Nông nghiệp Phi-líp-pin (DA) xác định hoặc phát hiện tại cảng nhập khẩu mà không được liệt kê trong Thông tư này nhưng bị nghi ngờ có chứa sinh vật hoặc dịch hại thuộc diện kiểm soát.
12.	G/SPS/N/NZL/787	TTBVTV	Niu Di-lân	09/10/2025	Các loài thực vật được phép nhập khẩu theo quy định kiểm dịch thực vật: Cây trồng để gieo trồng (155.02.06) (trước	Bộ các ngành Công nghiệp Cơ bản (MPI) đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn Kiểm dịch Thực vật đối với Cây trồng để gieo trồng (Plants for Planting Import Health Standard – 155.02.06). Các sửa đổi được đề

					đây gọi là "Nhập khẩu cây giống")	xuất sẽ bổ sung 28 loài dịch hại vào danh mục dịch hại của 24 chi cây ký chủ. Để quản lý rủi ro mà các loài dịch hại này có thể gây ra cho Niu Di-lân, MPI đề xuất bổ sung các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với từng nhóm cây chủ bị ảnh hưởng. Các cập nhật này bao gồm các lựa chọn sau: - Yêu cầu kiểm tra trong giai đoạn kiểm dịch sau nhập khẩu; - Kéo dài thời gian kiểm dịch sau nhập khẩu; - Yêu cầu khai báo vùng không có dịch hại trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Những sửa đổi này nhằm giải quyết các rủi ro liên quan đến mối quan hệ giữa dịch hại và cây chủ cụ thể, đồng thời điều chỉnh lại các yêu cầu tương ứng, qua đó đảm bảo thương mại cây trồng được duy trì an toàn. Để biết thêm chi tiết về cơ sở của các đề xuất này, vui lòng xem Báo cáo đánh giá quản lý rủi ro.
13.	G/SPS/N/CAN/1616	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TTBVTV	Canada	09/10/2025	Quy định về Thực phẩm An toàn cho Người tiêu dùng (Safe Food for Canadians Regulations).	Chính phủ Canada cam kết giảm thiểu các thủ tục hành chính rườm rà. Để thực hiện cam kết này, Cơ quan Kiểm định Thực phẩm Canada (CFIA) đã sửa đổi Quy định về Thực phẩm An toàn cho Người tiêu dùng Canada (SFCR) nhằm loại bỏ các quy định lỗi thời và không cần thiết. CFIA đã loại bỏ một số quy định ghi nhãn cứng nhắc đối với trái cây và rau tươi (FFV) trong SFCR, bao gồm: miễn yêu cầu ghi khối lượng tịnh trên nhãn đối với một số loại đóng gói sẵn cho người tiêu dùng; miễn yêu cầu ghi nhãn bắt buộc đối với FFV được đóng gói trong túi hoặc màng bọc trong suốt; giảm kích cỡ tối thiểu của phông chữ cho thông tin bắt buộc xuống 1,6 mm đối với cả sản phẩm đóng gói cho người tiêu dùng và sản phẩm

						FFV đóng gói để vận chuyển; và cho phép ghi chỉ định kích cỡ trên nhãn FFV mang tính tùy chọn, không còn bắt buộc. Ngoài ra, CFIA cũng sửa đổi tài liệu "Đơn vị đo lường cho việc ghi khối lượng tịnh của một số loại thực phẩm" (Units of Measurement for the Net Quantity Declaration of Certain Foods) — tài liệu được viện dẫn trong SFCR — để cho phép một số loại FFV đóng gói sẵn (như ngô ngọt tươi) có thể được ghi nhãn theo trọng lượng, thể tích hoặc số lượng. Mục tiêu của các sửa đổi này là giảm gánh nặng quy định mà không ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm hoặc quyền lợi người tiêu dùng. Những thay đổi này không bắt buộc doanh nghiệp phải thay đổi nhãn hiện tại, đồng thời phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhãn của Ủy ban Codex Alimentarius (Codex). CFIA cũng đã hiện đại hóa hệ thống phân loại trái cây và rau tươi của Canada bằng cách chuyển trách nhiệm duy trì và cập nhật tiêu chuẩn phân loại FFV của Canada (trừ hành, khoai tây và táo) từ CFIA sang Tập đoàn Giải quyết Tranh chấp Trái cây và Rau quả (DRC). Các tiêu chuẩn này sẽ được đưa vào tài liệu mới mang tên "Yêu cầu về phân loại trái cây và rau tươi" (Fresh Fruit and Vegetable Grade Requirements), được viện dẫn trong SFCR. Điều này giúp hệ thống phân loại FFV linh hoạt hơn, phản ứng nhanh với nhu cầu của ngành, thúc đẩy đổi mới và tăng tính cạnh tranh thương mại. CFIA sẽ ký Bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với DRC để quy định rõ điều khoản duy trì tiêu chuẩn phân loại. CFIA vẫn chịu trách nhiệm đánh giá cuối cùng các bản cập nhật để đảm bảo tuân thủ SFCR và nghĩa vụ thương mại, cũng như thực thi các tiêu

						chuẩn phân loại. CFIA vẫn tiếp tục duy trì tiêu chuẩn phân loại đối với hành, khoai tây và táo, vì đây là các mặt hàng có yêu cầu phân loại liên quan đến thương mại nhập khẩu. Các tiêu chuẩn này sẽ tiếp tục được lưu giữ trong tài liệu "Canadian Grade Compendium: Volume 2 – Fresh Fruit or Vegetables". Ngoài ra, CFIA cũng duy trì các tiêu chuẩn nhập khẩu được quy định trong "Canadian Grade Compendium: Volume 9 – Import Grade Requirements" và "Grade Standard Requirements for Fresh Fruits or Vegetables Imported from the United States". CFIA cũng bãi bỏ yêu cầu bắt buộc phân loại đối với FFV được sử dụng trong sản xuất, chế biến hoặc bảo quản (ví dụ: táo dùng làm nước ép, trái cây dùng làm mứt, bánh hoặc sữa chua). Điều này sẽ giảm gánh nặng quy định và tăng tính linh hoạt cho ngành công nghiệp.
14.	G/SPS/N/CAN/1617	CNTY	Canada	09/10/2025	Quy định về Sức khỏe Động vật (Health of Animals Regulations).	Chính phủ Canada cam kết giảm thiểu các thủ tục hành chính rườm rà. Để thực hiện cam kết này, Cơ quan Kiểm định Thực phẩm Canada (CFIA) đã sửa đổi Quy định về Sức khỏe Động vật (Health of Animals Regulations – HAR) nhằm loại bỏ các yêu cầu lỗi thời và áp dụng các công cụ quản lý hiện đại hơn. Viện dẫn động (Ambulatory Incorporation by Reference) đối với Tài liệu Tham chiếu Nhập khẩu (Import Reference Document – IRD) Tài liệu Tham chiếu Nhập khẩu (IRD) của Canada quy định các điều kiện nhập khẩu động vật và vật liệu di truyền (germplasm) vào Canada để giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn, và tài liệu này được viện dẫn trong Quy định về Sức khỏe Động vật (HAR). Các tài liệu được viện dẫn có giá trị pháp lý tương

						đương với quy định mà chúng được viện dẫn vào. CFIA đã thay đổi hình thức viện dẫn của IRD trong HAR từ viện dẫn tĩnh sang viện dẫn động, cho phép cập nhật nội dung IRD theo chính sách viện dẫn của Canada mà không cần phải sửa đổi quy định pháp lý. Điều này giúp hệ thống nhập khẩu của Canada linh hoạt hơn, phản ứng nhanh hơn với tiêu chuẩn quốc tế và tiến bộ khoa học mới. CFIA cũng đã cập nhật IRD để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan trong nước, giúp đơn giản hóa các điều kiện nhập khẩu và đồng bộ với các yêu cầu trong nước, bao gồm: • Cập nhật điều kiện nhập khẩu bê nuôi lấy thịt từ Hoa Kỳ như sau: 1. Kéo dài thời hạn giết mổ tối đa sau nhập khẩu từ 36 lên 40 tuần; 2. Tăng độ tuổi tối thiểu khi nhập khẩu từ 8 ngày lên 9 ngày để phù hợp với yêu cầu vận chuyển động vật trong nước theo HAR; 3. Tăng độ tuổi tối đa khi nhập khẩu từ 14 ngày lên 21 ngày. • Cập nhật yêu cầu kiểm tra Salmonella Enteritidis (SE) đối với trứng ấp nhập khẩu từ Hoa Kỳ và chuyển đến các cơ sở ấp được cấp phép tại Canada, để phù hợp với các yêu cầu kiểm soát dịch bệnh trong nước.
15.	G/SPS/N/UKR/246 /Rev.1	ATTP	U-crai-na	09/10/2025	Dự thảo quy định của Bộ Y tế Ukraine “Về việc phê duyệt các sửa đổi đối với một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế Ukraine”	Dự thảo Quy định này được xây dựng nhằm hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh việc sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung dinh dưỡng cũng như các sản phẩm thực phẩm có bổ sung vitamin và khoáng chất, với mục tiêu đảm bảo sự tương thích với pháp luật của Liên minh châu Âu (EU) và hài hòa hóa các thuật ngữ được sử dụng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và các chỉ tiêu chất lượng liên quan.

						Dự thảo đề xuất sửa đổi các văn bản sau: - Yêu cầu vệ sinh đối với thực phẩm bổ sung, được phê duyệt theo Lệnh số 1114 ngày 19/12/2013 của Bộ Y tế Ukraine; - Yêu cầu về tuyên bố dinh dưỡng và sức khỏe trên sản phẩm thực phẩm, được phê duyệt theo Quy định số 1145 ngày 15/5/2020; - Quy tắc bổ sung vitamin, khoáng chất và một số chất khác vào thực phẩm, được phê duyệt theo Quy định số 1613 ngày 16/7/2020 (được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/UKR/147 và G/SPS/N/UKR/147/Add.1); - Yêu cầu đối với hương liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và enzym thực phẩm, được phê duyệt theo Quy định số 45 ngày 8/1/2024 (được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/UKR/200/Rev.1/Add.1). Nội dung này được bổ sung so với phiên bản trước của Dự thảo (thông báo trong tài liệu G/SPS/N/UKR/246). Ngoài ra, dự thảo cũng quy định rằng các thực phẩm bổ sung tuân thủ quy định trước khi Quy định này có hiệu lực nhưng không phù hợp với Luật số 4122-IX ngày 5/12/2024 ("Về việc sửa đổi một số đạo luật của Ukraine nhằm cải thiện quy định sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung, cũng như điều chỉnh các vấn đề khác trong lĩnh vực y tế") — có thể được nhập khẩu, sản xuất và lưu hành trên thị trường trong vòng một năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực. Các sản phẩm đó có thể tiếp tục lưu hành cho đến khi hết hạn sử dụng hoặc tối đa ba năm kể từ ngày Quy định có hiệu lực. Luật số 4122-IX ngày 5/12/2024 có hiệu lực từ ngày 27/3/2025.
16.	G/SPS/N/NZL/786	ATTP,	Niu Di-lân	08/10/2025	Đề xuất sửa đổi Giới hạn dư	Dự thảo bao gồm các chi tiết kỹ thuật về sửa đổi

		CNTY, TTBVTV			lượng tối đa (MRL) đối với các hóa chất nông nghiệp trong thực phẩm của Niu Di-lân	Thông báo hiện hành được ban hành theo Luật Thực phẩm 2014, trong đó quy định giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của các hóa chất nông nghiệp tại Niu Di-lân, cụ thể như sau: 1. Sửa đổi các MRL hiện có đối với các hợp chất và sản phẩm sau: - Dicamba: 0,01(*) trong trứng, 0,02 mg/kg trong thịt gia cầm, 0,04 mg/kg trong mỡ gia cầm và 0,07 mg/kg trong phủ nội tạng gia cầm. - Lasalocid: đổi tên hợp chất thành lasalocid sodium; loại bỏ MRL cho trứng và phủ tạng gia cầm; thiết lập MRL mới là 0,02 mg/kg cho mỡ và thận bò; 0,1 mg/kg cho gan bò; 0,01() mg/kg cho thịt bò; 0,02 mg/kg cho mỡ và thận dê; 0,1 mg/kg cho gan dê; 0,01() mg/kg cho thịt dê; 0,005 (*) mg/kg cho sữa; 0,6 mg/kg cho thận gia cầm; 1,2 mg/kg cho gan gia cầm; 0,6 mg/kg cho da/mỡ gia cầm và 0,4 mg/kg cho thịt gia cầm. - Myclobutanil: thay cụm "cucurbits (inedible peel)" bằng "Cucurbits – Melons, Pumpkins, and Winter Squashes" để thống nhất với nhóm cây trồng 11B của Codex. - Proquinazid: thay "cucurbits (inedible peel)" bằng "Cucurbits – Melons, Pumpkins, and Winter Squashes" (nhóm 11B của Codex) và "cucurbits (edible peel)" bằng "Cucurbits – Cucumbers and Summer Squashes" (nhóm 11A của Codex). - Quinoxifen: thay cụm "cucurbits (inedible peel)" bằng "Cucurbits – Melons, Pumpkins, and Winter Squashes" để thống nhất với nhóm 11B của Codex. - Trifloxystrobin: thay cụm "cucurbits (inedible peel)" bằng "Cucurbits – Melons, Pumpkins, and Winter Squashes" để thống nhất với nhóm 11B của Codex.

						() *Dấu ()* cho biết mức dư lượng tối đa được đặt ở giới hạn hoặc gần giới hạn của phương pháp phân tích định lượng. 2. Loại bỏ MRL đối với hợp chất sau: - Hydrocortisone aceponate, do hiện chưa có phương pháp phân tích cụ thể khả dụng. 3. Bổ sung một mục mới trong Phụ lục 3 dành cho thuốc thú y không áp dụng MRL: Ethanol, khi được sử dụng trong khăn lau vú bò sữa.
17.	G/SPS/N/EU/889	CNTY	Liên minh Châu Âu	06/10/2025	Quy định thi hành (EU) số 2025/1915 của Ủy ban châu Âu, ban hành ngày 25/9/2025, về việc phê duyệt L-tryptophan được sản xuất bằng chủng vi khuẩn *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80346 làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật	Quy định này lần đầu tiên cho phép tại Liên minh châu Âu và trong thời hạn mười năm việc sử dụng L-tryptophan được sản xuất bằng chủng *Corynebacterium glutamicum* KCCM 80346 làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng và nhóm chức năng "axit amin, muối và các chất tương tự của chúng". Việc phê duyệt này dựa trên kết luận tích cực của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA) sau khi cơ quan này tiến hành đánh giá khoa học đối với hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp. Các điều kiện cụ thể của việc phê duyệt được quy định chi tiết trong Phụ lục của văn bản này.
18.	G/SPS/N/EU/890	CNTY	Liên minh Châu Âu	06/10/2025	Quy định thi hành của Ủy ban châu Âu (EU) 2025/1928 ngày 25/9/2025 liên quan đến việc phê duyệt một chế phẩm chiết xuất giàu lutein từ cây cúc vạn thọ (*Tagetes erecta* L.) làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gà tây vỗ béo	Quy định này lần đầu tiên cho phép tại Liên minh châu Âu và trong thời hạn mười năm, việc sử dụng chế phẩm chiết xuất giàu lutein từ cây cúc vạn thọ (*Tagetes erecta* L.) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm phụ gia cảm quan (sensory additives) và nhóm chức năng "chất tạo màu (ii) — các chất, khi được bổ sung vào thức ăn của động vật, sẽ làm tăng màu sắc cho thực phẩm có nguồn gốc động vật." Việc phê duyệt này dựa trên kết luận tích cực từ đánh giá khoa học do Cơ quan An toàn Thực phẩm

						châu Âu (EFSA) thực hiện trên hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp. Các điều khoản cụ thể của việc phê duyệt được nêu chi tiết trong Phụ lục của văn bản này.
19.	G/SPS/N/AUS/622	ATTP, TTBVTV	Úc	06/10/2025	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ Quy chuẩn Thực phẩm Úc – Niu Di-lân (phiên bản sửa đổi), ngày 30/9/2025.	Đề xuất sửa đổi Bộ Quy chuẩn Thực phẩm Úc – Niu Di-lân để điều chỉnh mức dư lượng tối đa (MRL) đối với một số hóa chất nông nghiệp và thú y, nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định quốc gia khác liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất này, bao gồm: Acetamiprid, Chlorantraniliprole, Cyflufenamid, Cyfluthrin, Difenoconazole, Isocycloseram, Pyriproxyfen và Trichlorfon trong các sản phẩm thực vật cụ thể; Chlorantraniliprole trong sản phẩm động vật cụ thể.
20.	G/SPS/N/BDI/141, G/SPS/N/KEN/345 G/SPS/N/RWA/134, G/SPS/N/TZA/472 G/SPS/N/UGA/452	ATTP	Burundi	02/10/2025	DEAS 1266:2025, Hỗn hợp gia vị thực phẩm – Yêu cầu kỹ thuật, Ấn bản thứ nhất	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với hỗn hợp gia vị thực phẩm dùng cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho súp, nước dùng, masala và/hoặc hỗn hợp gia vị – thảo mộc đã được sấy khô. Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (DEAS 1266:2025) được xây dựng bởi Ủy ban Kỹ thuật EASC/TC 006 (Gia vị, gia vị và thảo mộc ẩm thực) nhằm mục đích hài hòa các yêu cầu về chất lượng đối với hỗn hợp gia vị thực phẩm trong Cộng đồng Đông Phi (EAC) và loại bỏ rào cản thương mại. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm gia vị dạng bột hoặc dạng khối (cube) được sử dụng để tăng cường màu sắc, mùi vị, hương thơm và/hoặc độ đặc của thực phẩm, nhưng không áp dụng cho các sản phẩm như súp khử nước hoặc masalas/hỗn hợp thảo mộc đơn giản.

						Các điểm chính về chất lượng và an toàn: - Thành phần: Các thành phần được phép bao gồm gia vị, thảo mộc, tinh bột ăn được, chiết xuất thịt/men, dầu thực vật, muối ăn, bột mì và bột phô mai, v.v. - Yêu cầu chung: Hỗn hợp gia vị phải được sản xuất và xử lý theo EAS 39 (Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm), phải sạch, không có chất lạ, vật chất ngoại lai, côn trùng xâm nhập, và không có mùi ôi/mốc. - Giới hạn Vật lý/Hóa học: Tiêu chuẩn đặt ra các giới hạn tối đa cho Hàm lượng ẩm (10% khối lượng), tro không hòa tan trong axit (3.0%), và quy định giới hạn tro tổng số khác nhau cho dạng "nén" (compacted form, tối đa 60%) và dạng "không nén" (non-compacted form, tối đa 27%). - An toàn Vi sinh: Đặt ra các giới hạn vi sinh vật nghiêm ngặt, đặc biệt yêu cầu không có sự hiện diện của *Escherichia coli* và *Salmonella spp* trong 25g mẫu. - Chất gây ô nhiễm: Giới hạn nghiêm ngặt được áp dụng cho kim loại nặng (ví dụ: Chì 1,0 mg/kg, Thủy ngân 0,1 mg/kg) và độc tố nấm mốc (Aflatoxin B1 không quá 5 ppb). - Ghi nhãn: Ngoài các yêu cầu chung, bao bì phải ghi nhãn rõ ràng tên gọi, hình thức trình bày (bột hoặc khối), danh sách thành phần, thông tin dinh dưỡng, và đặc biệt là phải khai báo bất kỳ chất gây dị ứng hoặc Lactose nào được sử dụng.
21.	G/SPS/N/BDI/140, G/SPS/N/KEN/344 G/SPS/N/RWA/133, G/SPS/N/TZA/471 G/SPS/N/UGA/451	TTBVTV	Burundi	02/10/2025	Tiêu chuẩn Đông Phi Dự thảo DEAS 918:2025 – Đinh hương nguyên và xay (dạng bột) — Yêu cầu kỹ thuật, Phiên bản thứ hai.	Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với đinh hương nguyên và đinh hương xay (dạng bột) — *Syzygium aromaticum* (L.) Merril & Perry). Lưu ý: Tiêu chuẩn Dự thảo của Tanzania này cũng

						đã được thông báo trong khuôn khổ Ủy ban TBT. Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (DEAS 918:2025), được phát triển bởi Ủy ban Kỹ thuật EASC/TC 006 (Gia vị, gia vị và thảo mộc ẩm thực), quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đinh hương (*Syzygium aromaticum*) ở dạng nguyên hạt và dạng bột (xay). Mục tiêu của tiêu chuẩn là hài hòa các yêu cầu chất lượng và loại bỏ rào cản thương mại trong Cộng đồng Đông Phi (EAC). Đây là ấn bản thứ hai, thay thế ấn bản đầu tiên (EAS 918:2019) và đã được sửa đổi về mặt kỹ thuật. Các yêu cầu chính: - Phân loại: Đinh hương nguyên hạt được chia thành 03 cấp độ (cấp độ 1, 2 và 3) dựa trên tỷ lệ tối đa của các tạp chất như đinh hương không đầu (*headless cloves*), đinh hương mẹ (*mother cloves*), đinh hương *khoker* (lên men do sấy chưa đủ), và vật chất ngoại lai (*extraneous matter*). - Yêu cầu chung: Đinh hương (nguyên hạt hoặc xay) phải có màu nâu đỏ đến nâu đen, có mùi thơm cay nồng đặc trưng và không được có mùi vị lạ (bao gồm mùi mốc). Sản phẩm phải sạch, không có côn trùng, mảnh côn trùng, chất lạ hoặc vật chất ngoại lai. - Yêu cầu Hóa lý: Các giới hạn cụ thể được đặt ra cho từng cấp độ, bao gồm: + Độ ẩm tối đa: 12% đối với đinh hương nguyên hạt và 10% đối với đinh hương xay. + Dầu dễ bay hơi (Volatile oil): Tối thiểu 17 ml/100g (Cấp 1 & 2 nguyên hạt), 15 ml/100g (Cấp 3 nguyên hạt), và tối thiểu 16% (Cấp 1 & 2 xay). + Tro tổng số và tro không hòa tan trong axit: Tối đa 7% và 0,5% (đối với đinh hương xay).

						- Phụ gia: Đinh hương nguyên hạt không được có phụ gia thực phẩm hoặc hương liệu thêm vào. Đinh hương bột có thể sử dụng các chất chống đóng bánh (anticaking agents) được liệt kê trong CXS 192. - Chất gây ô nhiễm: Giới hạn nghiêm ngặt được áp dụng cho Aflatoxin (Tổng Aflatoxin tối đa 10 µg/kg, Aflatoxin B1 tối đa 5 µg/kg) và kim loại nặng theo tiêu chuẩn CXS 193. - Vệ sinh và Vi sinh: Việc chế biến phải tuân thủ EAS 39. Sản phẩm phải đáp ứng các giới hạn vi sinh vật, quan trọng nhất là yêu cầu không có *Salmonella spp* và *Escherichia coli* trong 25g/g mẫu. - Ghi nhãn: Ngoài các yêu cầu chung (EAS 38, EAS 803, EAS 804), nhãn phải ghi rõ tên sản phẩm, dạng trình bày (nguyên hạt/bột), cấp độ sản phẩm, trọng lượng tịnh, ngày sản xuất/đóng gói, và nước xuất xứ.
22.	G/SPS/N/BDI/142, G/SPS/N/KEN/346 G/SPS/N/RWA/135, G/SPS/N/TZA/473 G/SPS/N/UGA/453	BCT	BURUNDI, KENYA, RWANDA, TANZANIA, UGANDA	02/10/2025	Nhục đậu khấu và nhục hoa khấu - Quy cách kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Cục Tiêu chuẩn Tanzania (TBS), đại diện cho 5 nước Đông Phi (Burundi, Kenya, Rwanda, Tanzania, Uganda) chính thức thông báo cho các nước thành viên WTO về một tiêu chuẩn mới cho hai loại gia vị là nhục đậu khấu và nhục hoa khấu, với mục đích chính là đảm bảo an toàn thực phẩm và tạo thuận lợi cho thương mại. đây là một bộ quy tắc kỹ thuật đang được soạn thảo, có tên DEAS 1286:2025, để quản lý chất lượng và an toàn của hai loại gia vị là nhục đậu khấu (nutmeg) và nhục hoa khấu (mace). Nội dung cốt lõi bao gồm: Chất lượng sản phẩm phải đạt: Nó sẽ quy định các chỉ tiêu về màu sắc, mùi vị đặc trưng, độ ẩm, hàm lượng tạp chất... của nhục đậu khấu và nhục hoa khấu. Mức độ an toàn tối đa: Đây là phần quan trọng

						nhất. Tiêu chuẩn sẽ đặt ra các ngưỡng giới hạn tối đa cho phép đối với: Vi sinh vật nguy hiểm: Như *Salmonella, E. coli*. Độc tố nấm mốc: Đặc biệt là Aflatoxin - một chất cực kỳ nguy hiểm, có thể gây ung thư. Các chất gây ô nhiễm khác: Như kim loại nặng. Phương pháp kiểm tra: Tiêu chuẩn sẽ chỉ rõ phải lấy mẫu như thế nào cho công bằng và thử nghiệm ra sao (ví dụ: dùng các phương pháp của ISO nào) để đánh giá sản phẩm. Điều này đảm bảo tất cả các phòng thí nghiệm đều có chung một "thước đo". Quy định về bao gói & ghi nhãn: Có thể sẽ yêu cầu về cách đóng gói và ghi nhãn mác để cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng.
23.	G/SPS/N/BDI/143, G/SPS/N/KEN/347 G/SPS/N/RWA/136, G/SPS/N/TZA/474 G/SPS/N/UGA/454	TTBVTV	BURUNDI, KENYA, RWANDA, TANZANIA, UGANDA	02/10/2025	Dầu ớt — Quy cách kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Ủy ban về Các Biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch Động Thực vật vừa thông báo một dự thảo tiêu chuẩn mới quan trọng từ nhóm các nước Đông Phi gồm Burundi, Kenya, Rwanda, Tanzania và Uganda. Tiêu chuẩn này, có mã số DEAS 1267:2025 với tên gọi "Dầu ớt — Quy cách kỹ thuật", nhằm thiết lập các quy định chi tiết về yêu cầu chất lượng, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sản phẩm dầu ớt dùng cho con người. Mục tiêu chính của tiêu chuẩn là đảm bảo an toàn thực phẩm và được công nhận là một biện pháp tạo thuận lợi thương mại. Dự thảo viện dẫn nhiều tiêu chuẩn quốc tế làm cơ sở kỹ thuật, từ các nguyên tắc về vệ sinh thực phẩm, giới hạn vi sinh vật (như *Salmonella, E. coli*) cho đến phương pháp xác định hàm lượng kim loại nặng, chỉ số peroxide và cả chỉ số Scoville đo độ cay của ớt. Các cơ quan, tổ chức và đối tác thương mại quan

						tâm có thể gửi ý kiến đóng góp đến ngày 01/12/2025.
24.	G/SPS/N/TZA/478	TTBVTV	TANZANIA	02/10/2025	Hoa hồi - Quy cách kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania tiếp tục chuỗi đăng ký xây dựng tiêu chuẩn với WTO, lần này là cho Dự thảo Tiêu chuẩn Quốc gia Zanzibar PCD 729:2025, Hoa hồi — Quy cách kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm hoa hồi (*Illicium verum*), cả dạng nguyên cánh và đã xay, thuộc nhóm gia vị (mã HS 091099). Mục tiêu chính là đảm bảo an toàn thực phẩm và được coi là một biện pháp tạo thuận lợi thương mại. Dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm, dựa trên các tiêu chuẩn tham chiếu quan trọng như Tiêu chuẩn Codex về chất gây ô nhiễm, các tiêu chuẩn quốc gia Zanzibar (ZNS) về danh pháp, phương pháp thử và vệ sinh, cũng như các phương pháp thử nghiệm của ISO để kiểm soát chất lượng (hàm lượng tinh dầu, tạp chất, độ ẩm, tro) và an toàn (vi sinh vật như *Salmonella, E. coli,* nấm mốc; độc tố Aflatoxin). Thời hạn cho ý kiến đóng góp là ngày 1/12/2025.
25.	G/SPS/N/TZA/479	TTBVTV	TANZANIA	02/10/2025	Hạt cỏ cà ri - Quy cách kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn cho các loại gia vị bằng việc thông báo cho WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn Quốc gia Zanzibar PCD 730:2025, Hạt cỏ cà ri - Quy cách kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm hạt cỏ cà ri (*Trigonella foenum-graecum* L), cả dạng nguyên hạt và xay, thuộc nhóm các loại gia vị khác (mã HS 091099). Mục tiêu chính được nêu ra là nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, đồng thời được công nhận là một biện pháp tạo thuận lợi thương mại. Dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm, dựa trên các tài liệu tham chiếu then chốt bao gồm Tiêu chuẩn

						Codex về chất gây ô nhiễm, các tiêu chuẩn quốc gia Zanzibar (ZNS) về danh pháp, phương pháp thử nghiệm (xác định độ ẩm, tro, tạp chất) và vệ sinh, cũng như các phương pháp ISO để kiểm soát các mối nguy vi sinh (*Salmonella, E. coli*, nấm men, nấm mốc) và độc tố *(*Aflatoxin). Thời hạn cuối cùng để các bên liên quan gửi ý kiến là ngày 1/12/2025
26.	G/SPS/N/CAN/1615	TTBVTV	Canada	02/10/2025	Quản lý bọ đục cây tần bì ngọc lục bảo tại Canada	Canada vừa thông báo cho WTO về kế hoạch thay đổi chính sách quản lý đối với một loài dịch hại kiểm dịch thực vật có tên là bọ đục cây tần bì ngọc lục bảo (Emerald Ash Borer - EAB). Do tình trạng lây lan nghiêm trọng của loài bọ này đã gây thiệt hại cho phần lớn quần thể cây tần bì ở miền Đông Canada, Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) đề xuất mở rộng phạm vi khu vực bị kiểm soát ra toàn bộ các tỉnh nơi EAB đã xuất hiện. Biện pháp này sẽ ảnh hưởng đến thương mại quốc tế đối với tất cả các mặt hàng có thành phần từ gỗ tần bì (như gỗ tròn, gỗ xẻ). Quyết định cuối cùng dự kiến được đưa ra vào đầu năm 2026 sau quá trình tham vấn, và các thay đổi chính thức sẽ có hiệu lực từ tháng 3/2026. Các bên liên quan có thể gửi ý kiến đóng góp trước ngày 30/11/2025**.**
27.	G/SPS/N/GBR/109	ATTP, TTBVTV	Vương quốc Anh	02/10/2025	Sửa đổi Sổ đăng ký GB, Đề xuất mức tối đa thuốc trừ sâu emamectin	Vương quốc Anh thông báo dự kiến thông qua các mức dư lượng tối đa (MRL) mới cho hoạt chất emamectin trên các sản phẩm nông sản với mục tiêu đảm bảo an toàn thực phẩm và được coi là một biện pháp tạo thuận lợi thương mại. Emamectin là hoạt chất đã không được sử dụng ở Vương quốc Anh (GB) từ ngày 30/11/2024. Mức dư lượng tối đa (MRL) mới này được thiết lập như "ngưỡng cho phép nhập khẩu" dựa trên đánh giá cho thấy mức phơi nhiễm của người tiêu dùng vẫn nằm trong giới

						hạn an toàn cho các sản phẩm như mơ, anh đào ngọt, đào, kiwi (xanh, đỏ, vàng) và trà thảo mộc (lá và thảo mộc). Sau khi đánh giá, các MRL sau đây đã được tăng lên để thiết lập ngưỡng cho phép đối với emamectin trên các mặt hàng khác nhau: Mơ 0,05 mg/kg, Anh đào ngọt 0,04 mg/kg, Đào 0,05 mg/kg, Kiwi (xanh, đỏ, vàng) 0,15 mg/kg, Trà thảo mộc (lá và thảo mộc) 2,0 mg/kg.
28.	G/SPS/N/EU/888	BCT, CNTY, TTBVTV	Liên minh Châu Âu	29/9/2025	Dự thảo Quy định Thực thi của (EU) 2021/632 về danh sách các sản phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm phụ từ động vật và sản phẩm hỗn hợp phải chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới	Liên minh Châu Âu (EU) thông báo dự thảo Quy định nhằm bổ sung danh mục các sản phẩm phải chịu kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới khi nhập khẩu vào EU. Cụ thể, dự thảo này đề xuất cập nhật Phụ lục của Quy định Thực thi (EU) 2021/632 để bổ sung 11 nhóm mã HS mới vào danh sách kiểm soát, bao gồm các sản phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm phụ từ động vật và sản phẩm hỗn hợp (ví dụ: nhựa cây; nước ép trái cây chế biến nhất định; chế phẩm từ protein; nguyên liệu hóa chất hữu cơ; thuốc; phân bón; các chế phẩm hóa học công nghiệp...) mà đang bị thiếu. Mục tiêu của việc sửa đổi này là nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe động vật, đồng làm rõ việc lô hàng nào phải qua kiểm tra. Quy định dự kiến được thông qua và ban hành vào tháng 01/2026, và sẽ có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày công bố. Ý kiến đóng góp về dự thảo này trước ngày 28/11/2025. Thông tin chi tiết truy cập đường link: https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/EEC/25_06457_00_e.pdf https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/EEC/25_06457_01_e.pdf
29.	G/SPS/N/JPN/1375	CNTY	Nhật Bản	29/9/2025	Đề xuất sửa đổi Sắc lệnh Bộ	Nhật Bản thông báo về việc đề xuất sửa đổi Sắc

					trưởng về Quy cách kỹ thuật và Tiêu chuẩn của Thức ăn Chăn nuôi và Phụ gia Thức ăn Chăn nuôi	lệnh Bộ trưởng để bổ sung tiêu chuẩn và quy cách kỹ thuật cho một loại phụ gia thức ăn chăn nuôi Phytase Số 2(8). Với sự sửa đổi này, Phytase Số 2(8) sẽ chính thức được phép nhập khẩu vào thị trường Nhật Bản. Quy định này được thực hiện nhằm mục tiêu kép là đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe động vật, đồng thời được công nhận là một quy định tạo thuận lợi thương mại vì nó mở cửa thị trường cho một sản phẩm phụ gia thức ăn chăn nuôi mới. Dự kiến, quy định sẽ được hoàn tất vào tháng 11/2025.
30.	G/SPS/N/TUR/57/ Add.2	BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	26/9/2025	Dự thảo Thông tư sửa đổi một số thông số liên quan đến dầu hướng dương có hàm lượng axit oleic cao và dầu hạt phỉ	Thổ Nhĩ Kỳ dự thảo sửa đổi, chỉnh một số thông số kỹ thuật liên quan đến dầu hướng dương có hàm lượng axit oleic cao và dầu hạt phỉ, cụ thể: Bổ sung này tập trung vào việc sửa đổi các thông số kỹ thuật cho hai loại dầu Chỉ tiêu cảm quan: Màu sắc, mùi vị. Chỉ tiêu hóa lý: Hàm lượng axit béo tự do, chỉ số peroxide (đánh giá mức độ oxy hóa), hàm lượng chất béo không xà phòng hóa. Chỉ tiêu về thành phần axit béo: Đảm bảo dầu "có hàm lượng axit oleic cao" đúng như tên gọi. Ngoài ra, dự thảo cũng cập nhật các điều khoản pháp lý và tên của các Bộ, cơ quan cho phù hợp với cơ cấu tổ chức hiện tại của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ.
31.	G/SPS/N/CHL/854	CNTY	Chile	25/9/2025	Quy định các yêu cầu kiểm dịch để nhập khẩu chó, mèo và chồn sương vào Chile và bãi bỏ Nghị quyết Miễn trừ số 6508/202	Chile thông báo quy định mới nhằm sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thú cưng (chó, mèo và chồn sương), đồng thời thay thế cho quy định cũ (Nghị quyết số 6508/2021). Mục tiêu chính là bảo vệ sức khỏe động vật và sức khỏe con người, cụ thể là nhằm ngăn chặn nguy cơ vi-rút bệnh dại xâm nhập vào lãnh thổ Chile.

						Quy định mới này được xây dựng để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (cụ thể là Chương 8.15 của Bộ Luật Sức khỏe Động vật trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới – WOAH), đồng thời bổ sung các chế tài đối với hành vi không tuân thủ.
32.	G/SPS/N/KOR/829	ATTP	Hàn Quốc	24/9/2025	Thông báo Sửa đổi một phần (Dự thảo) của Quy chế về công nhận thành phần chức năng và tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật cho thực phẩm chức năng	Hàn Quốc thông báo dự thảo sửa đổi Quy chế quản lý thực phẩm chức năng, với mục tiêu chính là đảm bảo an toàn thực phẩm và tinh giản hóa thủ tục. Các thay đổi chính bao gồm: (1) Giảm bớt gánh nặng kiểm tra bằng cách chỉ yêu cầu báo cáo thử nghiệm dư lượng thuốc trừ sâu đối với nguyên liệu có nguồn gốc thực vật, trong khi miễn yêu cầu này cho nguyên liệu động vật, vi sinh và tổng hợp; (2) Chuẩn hóa và làm rõ các thuật ngữ pháp lý (như định nghĩa "chất tổng hợp", phân loại thực phẩm đặc biệt) để thống nhất với các quy định hiện hành khác, đồng thời bổ sung bản dịch tiếng Anh nhằm tăng tính minh bạch.
33.	G/SPS/N/KOR/830	ATTP	Hàn Quốc	24/09/2025	Dự thảo sửa đổi một phần Quy định về tái thẩm định nguyên liệu chức năng - Thông báo trước số 2025-406, ngày 19/9/2025.	Các sửa đổi bao gồm: - Làm rõ thời hạn nộp dữ liệu tái thẩm định (Điều 6, Khoản 2, 3, 4). - Quy định số lần và thời gian gia hạn tối đa cho việc nộp thêm dữ liệu (ví dụ: kết quả thử nghiệm trên người mới). -Xác lập thủ tục xử lý hồ sơ không hoàn chỉnh sau thời hạn nộp.
34.	G/SPS/N/ALB/214	CNTY	An-ba-ni	23/09/2025	Dự thảo Luật "Về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác nhằm đảm bảo việc thực thi các quy định về thực phẩm và thức ăn, sức khỏe và phúc lợi động vật, sức	Dự thảo bao gồm các nội dung chính như sau: - Thiết lập các quy tắc, nguyên tắc và yêu cầu chung và cụ thể liên quan đến kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác để đảm bảo tuân thủ quy định quốc gia. - Quy định trách nhiệm, nguồn tài chính và quy

					khỏe thực vật và sản phẩm bảo vệ thực vật tại Cộng hòa An - ba - ni”	trình thực hiện kiểm soát, nhằm bảo đảm mức độ cao trong bảo vệ sức khỏe con người, động vật, thực vật, môi trường và quyền lợi người tiêu dùng. - Thiết lập hệ thống kiểm soát chính thức tích hợp và thống nhất, do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện, có đào tạo và nguồn lực đầy đủ. - Giới thiệu kế hoạch kiểm soát quốc gia trong nhiều năm (multi-annual national control plans), cập nhật định kỳ và áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro. - Triển khai hệ thống quản lý thông tin điện tử, giúp chia sẻ dữ liệu và phối hợp giữa các cơ quan chức năng và với Ủy ban châu Âu (EU) trước khi Albania gia nhập EU. - Xác lập cơ chế thực thi và xử phạt rõ ràng trong trường hợp vi phạm hoặc rủi ro nghiêm trọng. Luật này là phiên bản nội luật hóa (approximation) của Quy định (EU) 2017/625 – quy định của Liên minh châu Âu về kiểm soát chính thức trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật.
35.	G/SPS/N/CAN/1613	CNTY, CLCB	Canada	23/09/2025	“Dự thảo sửa đổi Danh mục các loài thủy sinh nhạy cảm với bệnh”	Canada lấy ý kiến góp ý về việc cập nhật Danh mục các loài thủy sinh nhạy cảm, bao gồm: (1) Bổ sung hoặc loại bỏ một số loài khỏi danh mục; (2) Thay đổi danh mục bệnh liên quan đến các loài hiện có trong danh sách. Mục đích của việc cập nhật: Cập nhật để phù hợp với các thay đổi mới nhất trong Bộ Quy tắc Sức khỏe Động vật Thủy sản của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH), cụ thể là các Chương 11.5 và 11.6. Tác động đối với thương mại: - Các loài được liệt kê trong danh sách này có thể phải có giấy phép nhập khẩu (import permit) và chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản

						(zoosanitary export certification) khi xuất khẩu sang Canada. - Do đó, cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cần tham khảo Danh mục các loài thủy sinh nhạy cảm để xác định các bệnh cần được kiểm soát trước khi cấp chứng nhận xuất khẩu.
36.	G/SPS/N/EU/886 /Corr.1	CNTY	Liên minh châu Âu	23/09/2025	Từ chối cấp phép chiết xuất bồ công anh lớn từ *Arctium lappa* L. làm phụ gia thức ăn cho mèo và chó	- Thông báo này chỉ nhằm sửa lỗi kỹ thuật trong phần điền thông tin của thông báo G/SPS/N/EU/886, liên quan đến việc: "Từ chối cấp phép sử dụng chiết xuất ngưu bàng (great burdock extract) từ cây *Arctium lappa* L. làm chất phụ gia trong thức ăn cho mèo và chó." - Trong thông báo gốc, ô "Trade facilitating measure" (biện pháp tạo thuận lợi thương mại) đã được tích chọn nhầm. - Bản đính chính này xác nhận rằng thông báo không phải là biện pháp tạo thuận lợi thương mại, mà là biện pháp hạn chế (do từ chối cấp phép sử dụng phụ gia thức ăn).
37.	G/SPS/N/EU/887 /Corr.1	CNTY	Liên minh châu Âu	23/09/2025	Từ chối cấp phép chiết xuất nhân sâm từ *Panax ginseng* C.A. Meyer làm phụ gia thức ăn cho mèo và chó	- Thông báo này nhằm đính chính lỗi trong ô số 11 của thông báo gốc G/SPS/N/EU/887. - Thông báo gốc liên quan đến việc: "Từ chối cấp phép sử dụng chiết xuất nhân sâm (*Panax ginseng* C.A. Meyer) làm chất phụ gia trong thức ăn cho chó và mèo." - Trong thông báo trước, ô "Trade facilitating" (biện pháp tạo thuận lợi thương mại) đã bị đánh dấu nhầm. - Bản đính chính này khẳng định biện pháp trên không phải là tạo thuận lợi thương mại, mà là biện pháp hạn chế (vì EU từ chối cấp phép phụ gia).
38.	G/SPS/N/JPN/1363	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	22/09/2025	"Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ	Đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu Clofentezine (Quy định này

<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)”</td><td>được tuân theo tiêu chuẩn Codex)</td></tr>
<tr><td>39.</td><td>G/SPS/N/JPN/1364</td><td>ATTP, TTBVTV, CNY, CLCB</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>“Sửa đổi các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)”</td><td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu Cyclopyranil (không áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế tương ứng như: Codex, OIE hay IPPC cho hoạt chất này), cụ thể:
<table>
<tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL (dự thảo)</th><th>MRL (hiện hành)</th></tr>
<tr><td>Gạo (gạo lật)</td><td>0,01</td><td></td></tr>
<tr><td>Động vật dưới nước</td><td>0,02</td><td></td></tr>
</table>
Mục đích: Đảm bảo an toàn thực phẩm theo Luật Vệ sinh thực phẩm của Nhật Bản.</td></tr>
<tr><td>40.</td><td>G/SPS/N/JPN/1365</td><td>ATTP, TTBVTV</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).</td><td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ cỏ Esprocarb (Quy định này không áp dụng các tiêu chuẩn của Codex), cụ thể:
<table>
<tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL (dự thảo)</th><th>MRL (hiện hành)</th></tr>
<tr><td>Gạo (gạo lật)</td><td>0,01</td><td>0,02</td></tr>
<tr><td>Lúa mỳ</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr>
<tr><td>Lúa mạch</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>41.</td><td>G/SPS/N/JPN/1366</td><td>ATTP, TTBVTV, CNY</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).</td><td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ nấm Ethaboxam (Quy định này không áp dụng các tiêu chuẩn của Codex):
<table>
<tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL (dự thảo)</th><th>MRL (hiện hành)</th></tr>
<tr><td>Rau diếp (bao gồm rau diếp xoăn và rau diếp lá)</td><td>50</td><td>25</td></tr>
<tr><td>Cà chua</td><td>3</td><td>1</td></tr>
<tr><td>Nho</td><td>0,5</td><td>8</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td></td></tr>
</table>
Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo
Mục đích của việc sửa đổi là nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm có thể chứa dư lượng Ethaboxam.</td></tr>
<tr><td>42.</td><td>G/SPS/N/JPN/1367</td><td>ATTP, TTBVTV</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).</td><td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ nấm Isotianil (Quy định này được tuân theo tiêu chuẩn Codex)</td></tr>
<tr><td>43.</td><td>G/SPS/N/JPN/1368</td><td>ATTP, TTBVTV</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).</td><td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ nấm Mandipropamid (Quy định này được tuân theo tiêu chuẩn Codex)</td></tr>
<tr><td>44.</td><td>G/SPS/N/JPN/1369</td><td>ATTP, TTBVTV</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).</td><td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ nấm Picarbutrazox (Quy định này không áp dụng các tiêu chuẩn của Codex), cụ thể:
<table>
<tr><td>Sản phẩm</td><td>MRL (mới)</td><td>MRL (cũ)</td></tr>
<tr><td>Rau diếp (bao gồm rau diếp xoăn và rau diếp lá)</td><td>30</td><td>15</td></tr>
<tr><td>Cần tây</td><td>8</td><td></td></tr>
<tr><td>Cà chua</td><td>1</td><td>2</td></tr>
<tr><td>Quả cam natsudaidai, nguyên quả</td><td>2</td><td></td></tr>
<tr><td>Chanh vàng</td><td>2</td><td></td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>
<table>
<tr><td>Cam (bao gồm cả cam rốn)</td><td>2</td><td></td></tr>
<tr><td>Các loại quả có múi khác</td><td>2</td><td></td></tr>
<tr><td>Chanh xanh</td><td>2</td><td>5</td></tr>
</table>
Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo.
</td>
</tr>
<tr>
<td>45.</td>
<td>G/SPS/N/JPN/1370</td>
<td>ATTP, TTBVTV</td>
<td>Nhật Bản</td>
<td>22/09/2025</td>
<td>Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).</td>
<td>
Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ nấm Polyoxorim-zinc (Quy định này không áp dụng các tiêu chuẩn của Codex), cụ thể:
<table>
<tr><td>Sản phẩm</td><td>MRL (mới)</td><td>MRL (cũ)</td></tr>
<tr><td>Cải broccoli</td><td>1</td><td></td></tr>
<tr><td>Nira</td><td>15</td><td></td></tr>
<tr><td>Cà chua</td><td>0,3</td><td></td></tr>
<tr><td>Ớt ngọt</td><td>1</td><td></td></tr>
<tr><td>Chanh vàng (nguyên quả sau khi đã bỏ cuống)</td><td>2</td><td></td></tr>
<tr><td>Cà tím</td><td>0,2</td><td></td></tr>
</table>
Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo.
</td>
</tr>
<tr>
<td>46.</td>
<td>G/SPS/N/JPN/1371</td>
<td>ATTP, TTBVTV, CNY,</td>
<td>Nhật Bản</td>
<td>22/09/2025</td>
<td>Sửa đổi Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)</td>
<td>
Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ nấm Thiobencarb (Quy định này không áp dụng các tiêu chuẩn của Codex), cụ thể:
<table>
<tr><td>Sản phẩm</td><td>MRL (dự thảo)</td><td>MRL (hiện hành)</td></tr>
<tr><td>Gạo (gạo lật)</td><td>0,01</td><td>0,2</td></tr>
<tr><td>Lúa mỳ, Lúa mạch, ngũ cốc khác</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>
<table>
<tr><td>Ngô</td><td>0,01</td><td>0,03</td></tr>
<tr><td>Đậu nành khô</td><td>0,01</td><td>0,02</td></tr>
<tr><td>Lạc khô</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr>
<tr><td>Khoai tây</td><td>0,01</td><td>0,02</td></tr>
<tr><td>Khoai môn</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr>
<tr><td>Rau diếp (bao gồm rau diếp xoăn và rau diếp lá)</td><td>0,01</td><td>0,02</td></tr>
<tr><td>Hành tây</td><td></td><td>0,2</td></tr>
<tr><td>Hành lá (bao gồm hẹ)</td><td>0,01</td><td>0,02</td></tr>
<tr><td>Nho</td><td>0,5</td><td>8</td></tr>
<tr><td>Một số sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (bao gồm thị bắp, nội tạng.v.v..</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr>
<tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td></td></tr>
</table>
Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo.
</td>
</tr>
<tr>
<td>47.</td>
<td>G/SPS/N/JPN/1372</td>
<td>ATTP, TTBVTV</td>
<td>Nhật Bản</td>
<td>22/09/2025</td>
<td>Sửa đổi Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)</td>
<td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc bảo vệ thực vật: Trifloxystrobin (Quy định này được tuân theo tiêu chuẩn Codex)</td>
</tr>
<tr>
<td>48.</td>
<td>G/SPS/N/JPN/1373</td>
<td>ATTP, TTBVTV, CNY,</td>
<td>Nhật Bản</td>
<td>22/09/2025</td>
<td>Sửa đổi Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp)</td>
<td>Nhật Bản đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ nấm Validamycin (Quy định này không áp dụng các tiêu chuẩn của Codex), cụ thể:
<table>
<tr><td>Sản phẩm</td><td>MRL (mới)</td><td>MRL (cũ)</td></tr>
<tr><td>Khoai môn</td><td>0,05</td><td></td></tr>
<tr><td>Cải Nhật Bản, lá</td><td>1</td><td>2</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>
<table>
<tr><td>Rau diếp (bao gồm rau diếp xoăn và rau diếp lá)</td><td>0,2</td><td>0,3</td></tr>
<tr><td>Cần tây</td><td>2</td><td></td></tr>
<tr><td>Cà tím</td><td>0,5</td><td></td></tr>
<tr><td>Cải bó xôi</td><td>20</td><td></td></tr>
<tr><td>Chanh vàng</td><td>0,2</td><td>0,7</td></tr>
<tr><td>Bưởi</td><td>0,5</td><td>0,7</td></tr>
<tr><td>Chanh xanh</td><td>0,2</td><td>0,7</td></tr>
<tr><td>Dâu tây</td><td>1</td><td></td></tr>
<tr><td>Trà</td><td>5</td><td></td></tr>
<tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>0,05</td><td></td></tr>
<tr><td>…</td><td></td><td></td></tr>
</table>
Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo
</td>
</tr>
<tr>
<td>49.</td>
<td>G/SPS/N/JPN/1362</td>
<td>CNTY</td>
<td>Nhật Bản</td>
<td>22/09/2025</td>
<td>Chỉ định các chất được sử dụng làm thành phần của hóa chất nông nghiệp được quy định là “chất có trong thực phẩm không gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người.”</td>
<td>Nhật Bản thiết lập quy định miễn trừ yêu cầu về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi Acetylcysteine. Do chất này được xếp vào nhóm “các chất có trong thực phẩm không gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người”.</td>
</tr>
</table>

2. Danh sách quy định có hiệu lực

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/AUS/435 /Add.9	TTBVTV	Úc	20/10/2025	Công bố báo cáo dự thảo Đánh giá các yêu cầu xử lý bất hoạt đối với nhập khẩu hoa cắt cành và lá trang trí	Úc đã hoàn thành Phân tích rủi ro dịch hại đối với các yêu cầu xử lý bất hoạt (devitalisation requirements) áp dụng cho nhập khẩu hoa cắt cành và lá trang trí. Báo cáo này là sự tiếp nối của Báo cáo cuối cùng về Phân tích rủi ro dịch hại đối với nhập khẩu hoa cắt cành và lá trang trí– Phần 1 (công bố ngày 21/6/2019) và Phần 2 (công bố ngày 7/6/2021); tương ứng với các thông báo G/SPS/N/AUS/435/Add.5 và G/SPS/N/AUS/435/Add.7. Cụ thể, Úc đã tiến hành đánh giá các bằng chứng liên quan đến khả năng nhân giống từ hoa cắt cành nhập khẩu. Trên cơ sở đó, cơ quan này phân tích rủi ro an toàn sinh học của hoạt động này trong trường hợp hoa nhập khẩu không được xử lý để làm mất khả năng sinh trưởng (devitalisation). Kết quả đánh giá gọi là ước lượng rủi ro tự do. Kết quả cho thấy mức rủi ro DFIU (sử dụng sai mục đích để trồng lại) của hoa cắt cành nhập khẩu ở mức: - Từ rất thấp đến không đáng kể (very low – negligible) đối với trường hợp cá nhân; - Không đáng kể (negligible) đối với quy mô thương mại. Như vậy, mức rủi ro này đáp ứng mức bảo vệ thích hợp (ALOP) của Úc. Kết quả cũng chỉ ra rằng khả năng cá nhân có thể trồng và phát triển cây khỏe mạnh từ hoa cắt cành là rất thấp. Vì vậy, không cần thiết phải duy trì biện pháp làm

						mất khả năng sinh trưởng để quản lý rủi ro sinh học liên quan đến việc sử dụng sai mục đích. Từ đó, Úc đề xuất loại bỏ yêu cầu làm mất khả năng sinh trưởng đối với hoa cắt cành nhập khẩu.
2	G/SPS/N/CHN/1324/Add.1	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TTBVTV	Trung Quốc	17/10/2025	Quy định của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về quản lý hải quan đối với việc đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài	Tổng Cục Hải Quan Trung Quốc (GACC) ban hành Nghị định 280 ngày 14/10/2025 về việc đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài, thay thế Nghị định 248. Nghị định gồm 33 Điều thuộc 4 chương, trong đó có một số thông tin cần lưu ý như sau: 1) Tổng cục Hải quan Trung Quốc dựa trên đánh giá hệ thống, tình hình an toàn thực phẩm của quốc gia và mức độ rủi ro của sản phẩm sẽ quy định rõ các phương thức đăng ký, hồ sơ đăng ký, quy trình xem xét và các yêu cầu đăng ký tương ứng khác (Điều 5). 2) Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ ban hành danh mục các sản phẩm bắt buộc phải có thư giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền (Điều 6). 3) Nếu hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của một quốc gia được Trung Quốc công nhận và đáp ứng một số điều kiện nhất định thì có thể áp dụng phương thức đăng ký theo danh sách các doanh nghiệp thay vì từng doanh nghiệp phải đăng ký riêng lẻ (Điều 17). 4) Nếu có thay đổi gây ảnh hưởng lớn đến hệ thống quản lý an toàn vệ sinh (như di dời địa điểm, thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi số đăng ký nước sở tại) thì mã số đã được Tổng cục Hải quan Trung Quốc cấp sẽ hết hiệu lực và doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng ký mã mới (Điều 20). 5) Áp dụng cơ chế gia hạn tự động (Automatic Renewal), thời gian gia hạn là 5 năm, trừ một số

						trường hợp cụ thể (Điều 21). 6) Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ ban hành danh mục không được tự động gia hạn (Điều 22). 7) Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền và doanh nghiệp sản xuất thực phẩm (Điều 24). 8) Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ ban hành quy định riêng đối với doanh nghiệp kho bảo quản thực phẩm và cơ sở sản xuất nông sản sơ cấp dùng trực tiếp làm thực phẩm (Điều 30). 9) Ngày ban hành: 14/10/2025 10) Ngày có hiệu lực: 01/6/2026 11) Bãi bỏ Nghị định số 248 Thông tin chi tiết truy cập đường link: http://www.spsvietnam.gov.vn/Data/File/Article/90948D8275A24C7FBABEE6D826D84931.pdf
3	G/SPS/N/JPN/1212 /Add.1	ATTP, CNTY, CLCB, BCT, TTBVTV	Nhật Bản	16/10/2025	Sửa đổi các quy chuẩn và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo số 370/1959 của Bộ Y tế và Phúc lợi) theo Luật Vệ sinh Thực phẩm	Theo thông báo tại G/SPS/N/JPN/1212 (ngày 22/6 /2023), bản sửa đổi này áp dụng đối với các thông số kỹ thuật về nhựa tổng hợp dùng cho thiết bị, vật chứa và bao bì thực phẩm đã được ban hành vào ngày 30/11/2023 và có hiệu lực từ ngày 01/6/2025. Nhật Bản sửa đổi hệ thống Danh mục các chất được phép sử dụng cho nhựa tổng hợp ("*synthetic resin*") dùng trong dụng cụ, đồ chứa và bao bì thực phẩm, theo Luật vệ sinh thực phẩm. Hệ thống này bao gồm: các loại nhựa được phép sử dụng, phụ gia, tiêu chí di chuyển từ nhựa sang thực phẩm (*migration limits*) và các phương pháp kiểm nghiệm liên quan.
4	G/SPS/N/JPN/1263 /Add.1	ATTP, CNTY, CLCB,	Nhật Bản	16/10/2025	Sửa đổi các quy chuẩn và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo	Theo thông báo tại G/SPS/N/JPN/1263 (ngày 08/5/2024), bản sửa đổi này áp dụng đối với các thông số kỹ thuật về nhựa tổng hợp dùng cho

		BCT, TTBVTV			số 370/1959 của Bộ Y tế và Phúc lợi) theo Luật Vệ sinh Thực phẩm	thiết bị, vật chứa và bao bì đã được ban hành vào ngày 27/9/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/6/2025. Nhật Bản đã thực hiện sửa đổi nhằm bổ sung các chất mới cùng một số điều chỉnh kỹ thuật khác vào Danh mục các chất được phép sử dụng (Phụ lục Bảng 1). Danh mục này quy định các chất được phép sử dụng trong việc sản xuất dụng cụ, vật chứa, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, cũng như giới hạn hàm lượng các chất có thể thôi nhiễm (*elute* hoặc *seep out*) vào thực phẩm từ những sản phẩm đó. Danh sách này được quy định trong "Quy cách và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v." (Thông báo số 370 năm 1959 của Bộ Y tế và Phúc lợi Nhật Bản). Cấu trúc của Danh sách tích cực gồm: Bảng 1: Vật liệu cơ bản (Base materials); Bảng 2: Phụ gia (Additives); Danh sách Monomer (Monomer List) – quy định các monomer được phép sử dụng trong sản xuất nhựa tổng hợp. Thông tin chi tiết truy cập đường link: https://www.caa.go.jp/policies/policy/standards_evaluation/appliance/positive_list_new/
5	G/SPS/N/AUS/594 /Add.1	CNTY	Úc	14/10/2025	Báo cáo đánh giá rủi ro kiểm dịch sinh học cuối cùng: Nhập khẩu ốc sên vườn sống (*Cornu aspersum*) phục vụ nuôi ốc làm thực phẩm	Úc đã hoàn thành báo cáo cuối cùng về nhập khẩu ốc sên sống (*Cornu aspersum*) dùng cho ngành nuôi thương phẩm (heliciculture). Báo cáo này đánh giá rủi ro sinh học liên quan đến loài ốc này khi nhập khẩu vào Úc. Báo cáo đề xuất rằng ốc sên sống (cả trưởng thành và con non) có thể được phép nhập khẩu vào Úc từ những quốc gia được phê duyệt, với điều kiện tuân thủ một loạt biện pháp kiểm dịch

						và xác minh loài nghiêm ngặt. Quá trình phân tích rủi ro đã bao gồm: - Rà soát bằng chứng về dịch hại và bệnh có liên quan tới loài này. - Đánh giá các biện pháp quản lý rủi ro bao gồm: nước xuất khẩu được phê duyệt; chứng nhận sức khỏe thú y; nhà sản xuất có tiêu chuẩn an toàn vệ sinh; phân biệt giữa ốc trưởng thành và ốc mới nở để áp dụng các biện pháp khác nhau. Sau khi công bố Báo cáo cuối cùng, các điều kiện nhập khẩu sẽ được cập nhật trên hệ thống điều kiện nhập khẩu sinh học (BICON), và người nhập khẩu có thể nộp đơn xin giấy phép.
6	G/SPS/N/CHL/831 /Add.1	TTBVTV	Chi Lê	13/10/2025	Quyết định miễn trừ số 7883/2025 quy định các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vào Chile các loại trái cây tươi của cây dứa (*Ananas* spp.) và sửa đổi Quyết định miễn trừ số 2.262 năm 2022	Ngày 10/10/2025, Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi Lê (SAG) đã công bố Nghị quyết miễn trừ số 7.883, sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch thực vật (SPS) đối với việc nhập khẩu trái cây tươi (dứa). SAG là Cơ quan Quốc gia chịu trách nhiệm bảo vệ di sản thực vật của Chi Lê và có quyền thiết lập các yêu cầu này dựa trên cơ sở kỹ thuật theo hướng dẫn của Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế. Một thay đổi quan trọng là việc loại bỏ dịch hại *Diaspis boisduvalii* khỏi danh sách kiểm soát nhập khẩu, do dịch hại này đã được báo cáo là có mặt tại Chi Lê. SAG đã gia hạn thêm một năm (đến 27/10/2026) để các Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc gia (ONPFs) của các thị trường xuất khẩu (Ecuador, Costa Rica, Panama, Colombia và Bolivia) hoàn tất việc xác minh quy trình chứng nhận; nếu không tuân thủ, nhập khẩu sẽ bị đình chỉ. Về mặt vận chuyển hàng không, các pa-lét phải được bảo vệ bằng nhựa đóng gói, mũ trùm Tivek hoặc lưới chống muỗi và được niêm phong riêng. Về vấn đề tuân

						thủ, trong trường hợp phát hiện côn trùng sống thuộc họ *Pseudococcidae* và *Diaspididae*, có thể áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật nếu khả thi. Tuy nhiên, việc phát hiện lặp đi lặp lại các loài côn trùng này trong các lô hàng cùng nguồn gốc sẽ dẫn đến từ chối lô hàng ngay tại điểm nhập cảnh mà không được phép áp dụng bất kỳ biện pháp xử lý nào.
7	G/SPS/N/AUS/502 /Add.23	TTBVTV	Úc	09/10/2025	Thông báo về biện pháp khẩn cấp đối phó với mọt cứng đốt khapra.	Hiện tại, Úc đang áp dụng các biện pháp khẩn cấp nhằm ngăn chặn nguy cơ mọt cứng đốt khapra (*Trogoderma granarium*) xâm nhập vào nước này. Biện pháp này bao gồm yêu cầu xử lý bắt buộc trước khi nhập khẩu đối với các sản phẩm thực vật có nguy cơ cao (như gạo, đậu, đậu lăng, v.v.) được đóng gói tại các quốc gia có nguy cơ mục tiêu đối với mọt cứng đốt khapra. Úc sẽ triển khai thay đổi trong cách quản lý các biện pháp xử lý có kiểm soát (Controlled Atmosphere – CA) ở áp suất khí quyển bình thường. Kể từ ngày 30/10/2025, Úc chỉ chấp nhận các biện pháp xử lý CA ở áp suất khí quyển được thực hiện bởi các đơn vị xử lý đã được phê duyệt trong chương trình AusTreat, chương trình dành cho các nhà cung cấp dịch vụ xử lý trước biên giới của Úc. Danh sách các nhà xử lý được phê duyệt sẽ được công bố công khai trong Danh sách Nhà cung cấp dịch vụ xử lý (List of Treatment Providers) trên trang web của Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp Úc (DAFF). Thay đổi này sẽ ảnh hưởng đến một số nhà cung cấp dịch vụ xử lý hiện đang được phê duyệt ngoài khuôn khổ AusTreat, cũng như các nhà xử

						lý mới muốn cung cấp dịch vụ xử lý CA ở áp suất khí quyển cho hàng nhập khẩu vào Úc. Điều kiện cấp phép nhập khẩu của Úc sẽ được cập nhật vào ngày 30/10/2025, trong đó tuyên bố bổ sung bắt buộc trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ được sửa đổi như sau: "Hàng hóa đã được xử lý có kiểm soát phù hợp với phương pháp xử lý khí quyển có kiểm soát của Úc, bởi nhà xử lý đã được phê duyệt có tên trong Danh sách Nhà cung cấp dịch vụ xử lý của Úc, theo giấy chứng nhận xử lý đính kèm (ghi số giấy chứng nhận xử lý)." Lưu ý: Thay đổi này không áp dụng cho các biện pháp xử lý mọt cứng đốt khapra bằng môi trường khí quyển có kiểm soát ở áp suất thay đổi, xông hơi methyl bromide, hoặc xử lý nhiệt. Đối với các hình thức xử lý này, việc đăng ký theo chương trình AusTreat hiện chưa bắt buộc, tuy nhiên Úc khuyến khích các đơn vị xử lý đủ điều kiện đăng ký sớm, vì khung AusTreat sẽ dần được mở rộng để bao gồm các hình thức xử lý này trong tương lai. Đăng ký nhà cung cấp dịch vụ xử lý: Các nhà xử lý có thể đăng ký tham gia chương trình AusTreat ngay từ bây giờ, trước khi yêu cầu này có hiệu lực vào ngày 30/10/2025. Những đơn vị muốn được phê duyệt trước thời hạn này phải nộp hồ sơ đăng ký trước ngày 15/10/2025 để đảm bảo đủ thời gian xử lý. Hồ sơ yêu cầu gồm "Đơn đăng ký chương trình AusTreat" và "Mẫu xử lý khí quyển (áp suất khí quyển)", có sẵn tại trang web chính thức: AusTreat pre-border biosecurity treatment provider scheme – *DAFF*.

<table>
<tr>
<td>8</td>
<td>G/SPS/N/TPKM/647/Add.1</td>
<td>CNTY</td>
<td>Đài Loan (Trung Quốc)</td>
<td>09/10/2025</td>
<td>Sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong” liên quan đến Điều 10 (Phụ lục 8-2) của “Quy định về nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch động vật”.</td>
<td>Thông báo dự thảo sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu ong” liên quan đến Điều 10 (Phụ lục 8-2) của “Quy định về nhập khẩu các đối tượng thuộc diện kiểm dịch động vật” vào ngày 25/6/2025 (G/SPS/N/TPKM/647) đã được ban hành vào ngày 8/10/2025.</td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>G/SPS/N/EU/847/Add.1</td>
<td>ATTP, CNTY</td>
<td>Liên minh Châu Âu</td>
<td>02/10/2025</td>
<td>Phân loại chất fluralaner liên quan đến mức dư lượng tối đa của nó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật</td>
<td>Liên minh Châu Âu (EU) chính thức thông định mới về an toàn thực phẩm đã được thông qua. Cụ thể, Quy định Thực thi (EU) 2025/1908, được ban hành vào ngày 24/9/2025, đã chính thức thiết lập mức dư lượng tối đa (MRL) cho chất Fluralaner trong các thực phẩm có nguồn gốc động vật. Fluralaner là một hoạt chất dược phẩm thú y, thường được sử dụng để diệt ký sinh trùng ngoài da như bọ chét và ve trên động vật.
Quy định này sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010, nhằm quy định rõ giới hạn tối đa cho phép của chất này tồn dư trong các sản phẩm như thịt, sữa hoặc trứng trước khi đưa ra thị trường, đảm bảo chúng an toàn cho người tiêu đùng.
Quy định sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau khi được đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu, cụ thể như sau:
<table>
<tr><th>Loại động vật</th><th>Mức MRL thiết lập (µg/kg)</th><th>Bộ phận áp dụng</th><th>Phân loại điều trị</th></tr>
<tr><td rowspan="5">Gia cầm</td><td>65</td><td>Cơ</td><td rowspan="5">Thuốc chống ký sinh trùng (bao gồm cả nội ký sinh và ngoại ký sinh)</td></tr>
<tr><td>650</td><td>Da và mỡ tính theo tỷ lệ tự nhiên</td></tr>
<tr><td>650</td><td>Gan</td></tr>
<tr><td>420</td><td>Thận</td></tr>
<tr><td>1300</td><td>Trứng</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

						Cá có vây | 65 | Cơ và da tính theo tỷ lệ tự nhiên |
10	G/SPS/N/CAN/1244 /Add.23	CNTY	Canada	23/09/2025	Áp dụng điều kiện liên quan đến vùng kiểm soát phụ về dịch tả lợn châu phi	Canada thông báo lệnh áp đặt các điều kiện nhập khẩu đối với một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (feed ingredients) nhập từ các quốc gia bị coi là có nguy cơ lây nhiễm dịch tả lợn châu Phi (African Swine Fever – ASF), cụ thể: - Một số sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu từ các quốc gia có nguy cơ phải xin giấy phép nhập khẩu (import permit) trước khi được đưa vào Canada. - Giấy phép nhập khẩu và áp dụng quy định các điều kiện bắt buộc như: + Chứng nhận nguồn gốc (certificate of origin), + Xử lý nhiệt (heat treatment) và/hoặc + Thời gian lưu giữ bắt buộc (hold times)
11	G/SPS/N/EU/825 /Add.1	CLCB, TSKN	Liên minh châu Âu	23/09/2025	Mức tối đa dư lượng của asen vô cơ trong cá và hải sản khác	EU thông báo dự thảo được nêu trong thông báo (G/SPS/N/EU/825) đã chính thức thông qua. Quy định mới là: Quy định (EU) 2025/1891 của Ủy ban châu Âu ngày 17/9/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2023/915 liên quan đến mức giới hạn tối đa dư lượng của asen vô cơ (inorganic arsenic) trong cá và các loại hải sản khác, cụ thể: - Bổ sung mức dư lượng tối đa dư lượng (MRLs) asen vô cơ trong cá và các loại thủy sản khác từ: 0,05 – 1,5 ppm. - Tại Điều 1: Cho phép tiếp tục lưu hành đối với một số loại sản phẩm trên thị trường cho đến ngày hết hạn sử dụng; - Tại Điều 2: Quy định thời gian có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày công bố trên Công

<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>báo của Liên minh châu Âu:
(Tài liệu Dự thảo tại Tiểu mục I kèm theo)
Quy định sẽ có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu</td></tr>
<tr><td>12</td><td>G/SPS/N/JPN/1295
/Add.1</td><td>ATTP</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>Sửa đổi Danh mục Phụ gia Thực phẩm Hiện có được Quy định trong Luật Vệ sinh Thực phẩm và Sửa đổi Quy định kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. (quy định cuối cùng)</td><td>- Nhật Bản thông báo sửa đổi “Danh mục các phụ gia thực phẩm hiện hành” đã chính thức có hiệu lực vào ngày 25/8/2025 về việc Loại bỏ khỏi danh mục các phụ gia thực phẩm không còn được phân phối hoặc sử dụng tại Nhật Bản, đồng thời, xóa các mô tả liên quan đến những phụ gia bị loại bỏ ra khỏi Quy chuẩn và Tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v.</td></tr>
<tr><td>13</td><td>G/SPS/N/JPN/1322
/Add.1</td><td>ATTP,
TTBVTV,
CNTY</td><td>Nhật Bản</td><td>22/09/2025</td><td>Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn về Thực phẩm, Chất phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn tồn dư hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)</td><td>Nhật Bản thông báo quy định về “Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v.” theo Luật Vệ sinh Thực phẩm đã được chính thức sửa đổi.
Nội dung sửa đổi: thiết lập MRLs thuốc trừ nấm Fluazinam, sử dụng trong nông nghiệp, cụ thể:
<table>
<tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL (mới)</th><th>MRL (cũ)</th></tr>
<tr><td>“Đậu khô” bao gồm đậu bơ, đậu bò (đậu đỏ), đậu lăng, đậu tây, đậu lima, đậu pegia, đậu sultani, đậu sultapya và đậu trắng.</td><td>0,05</td><td>0,1</td></tr>
<tr><td>Khoai mỡ Nhật Bản (bao gồm cả khoai mỡ Trung Quốc)</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr>
<tr><td>Củ cải Nhật Bản, rễ (bao gồm cả củ cải)</td><td>0,03</td><td>0,05</td></tr>
<tr><td>Cây ngưu bàng</td><td>0,1</td><td>0,2</td></tr>
<tr><td>Rau diếp (bao gồm rau diếp xoăn và rau diếp lá)</td><td>0,01</td><td>0,05</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

						Hành	0,1	0,2	
						Hành tây xứ Wales (bao gồm cả tỏi tây)	0,02	0,05	
						Tỏi	0,2		
						Quả cam natsudaidai, nguyên quả	3	5	
						Chanh vàng	2	5	
						Cam (bao gồm cả cam rốn)	2	5	
						Bưởi	3	5	
						Chanh xanh	2	5	
						"Các loại trái cây họ cam quýt khác" là tất cả các loại trái cây họ cam quýt, ngoại trừ quýt Unshu, cam Natsudaidai, vỏ cam Natsudaidai, toàn bộ quả cam Natsudaidai, chanh, cam (bao gồm cam Navel), bưởi, chanh xanh và gia vị.	3	5	
						Lê Nhật	0,1	0,2	
						Lê	0,1	0,2	
						Mận mume	0,1	0,2	
						Xoài	0,5		
						Trà	9	6	
						Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,5		
						Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo Các mức MRL này đã được chính thức thông qua và công bố ngày 19/6/2025.			
14	G/SPS/N/JPN/1323 /Add.1	ATTP, TTBVTV, CNTY	Nhật Bản	22/09/2025	Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn về Thực phẩm, Chất phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật	Nhật Bản thông báo quy định sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm đã			

<table>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn tồn dư hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)</td>
<td>được chính thức thông qua.
Nội dung sửa đổi: thiết lập MRLs đối trừ sâu Flupyrimin được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, cụ thể:
<table>
<tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL (mới)</th><th>MRL (cũ)</th></tr>
<tr><td>Gạo (gạo lật)</td><td>1</td><td>0,7</td></tr>
<tr><td>Gan gia súc</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr>
<tr><td>Gan lợn</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr>
<tr><td>Gan động vật có vú trên cạn khác</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr>
<tr><td>“Nội tạng ăn được” là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của gia súc</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr>
<tr><td>“Nội tạng ăn được” là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của lợn</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr>
<tr><td>“Nội tạng ăn được” là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của các động vật có vú trên cạn khác</td><td>0,02</td><td>0,01</td></tr>
</table>
Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo
Các mức MRL đã được chính thức ban hành và công bố ngày 19/6/2025.</td>
</tr>
<tr>
<td>15</td>
<td>G/SPS/N/JPN/1324/Add.1</td>
<td>ATTP, TTBVTV</td>
<td>Nhật Bản</td>
<td>22/09/2025</td>
<td>Sửa đổi các Quy cách và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp – quy định cuối cùng).</td>
<td>Nhật Bản thông báo quy định sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Luật Vệ sinh Thực phẩm đã được chính thức thông qua.
Nội dung sửa đổi: thiết lập MRLs đối trừ sâu Mandestrobin được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, cụ thể:</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>
<table>
<tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL (mới)</th><th>MRL (cũ)</th></tr>
<tr><td>Cà chua</td><td>5</td><td>10</td></tr>
<tr><td>Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối)</td><td>1</td><td>2</td></tr>
<tr><td>“Các loại rau khác” là tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành, rau họ cần, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau chân vịt, măng, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (có vỏ, còn non), đậu tây (có vỏ, còn non), đậu nành xanh, nấm, gia vị và thảo mộc.</td><td>25</td><td>10</td></tr>
<tr><td>Nho</td><td>20</td><td>10</td></tr>
<tr><td>Trà</td><td>30</td><td>40</td></tr>
<tr><td>“Các loại thảo mộc khác” là tất cả các loại thảo mộc, ngoại trừ cải xoong, nira, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây.</td><td>70</td><td>40</td></tr>
<tr><td>Động vật dưới nước</td><td>0,02</td><td></td></tr>
</table>
Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo
Quy định này được ban hành và công bố vào ngày 19/6/2025.
</td>
</tr>
</table>

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.

Tiểu mục II

(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNMT, ngày tháng 11 năm 2025)

QUY ĐỊNH CỦA UỶ BAN (EU) 2025/1891

Sửa đổi Quy định (EU) 2023/915 thiết lập mức dư lượng tối đa dư lượng (MRLs) của asen vô cơ trong cá và các loại hải sản khác

(Bản dịch không chính thức)

PHỤ LỤC

Sửa đổi tiểu mục 3.4 (Asen), mục 3 (Kim loại và các nguyên tố khác), Phụ lục I như sau:

(1) Sửa đổi hàng 2 thành nội dung sau:

		Arsenic vô cơ (tổng của $As^{(III)}$ và $As^{(V)}$)	Mức dư lượng tối đa của asen vô cơ áp dụng cho tất cả các loại sản phẩm được liệt kê từ điểm 3.4.1 đến điểm 3.4.8.

(2) Sửa đổi, bổ sung mục 3.4.5 và hàng trên thành nội dung sau:

3.4	Sản phẩm	Dư lượng tối đa (mg/kg	Ghi chú
3.4.5	Thịt cơ của các loại cá:		Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Trường hợp cá ăn nguyên con, áp dụng mức dư lượng tối đa cho toàn bộ con cá. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng Điều 3(1) và (2).
3.4.5.1	Các loài khác không được liệt kê trong điểm 3.4.5.2	0,10	
3.4.5.2	Cá lồng đèn, cá mặt quỷ và cá sao khổng lồ (loài *Lophius*; *Kathetostoma giganteum*), cá bơn (loài *Pleuronetiformes*), cá tuyết chấm đen (*Melanogrammus aeglefinus*), cá trích (loài *Clupea*), cá đuối (loài *Rajidae*) và cá mập (bao gồm tất cả các loài).	0,50	

3.4.6	Động vật giáp xác		Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Áp dụng mức dư lượng tối đa cho thịt cơ từ các phần phụ và vùng bụng, nghĩa là phần đầu ngực được loại trừ. Đối với cua và loại giáp xác thuộc giống cua (*Brachyura* và *Anomura*), áp dụng mức dư lượng tối đa cho thịt cơ từ các phần phụ. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng điều 3(1) và (2).
3.4.6.1	Cua và các loài giáp xác thuộc giống cua (*Brachyura* và *Anomura*), tôm (tất cả các loài).	0,10	
3.4.6.2	Động vật giáp xác không được liệt kê trong điểm 3.4.6.1 và 3.4.6.3.	0,20	
3.4.6.3	Tôm hùm Na Uy (*Nephrops norvegicus*) và tôm hùm bông (thuộc giống *Jasus*)	1,5	
3.4.7	Động vật thân mềm hai mảnh vỏ		Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Đối với loài sò điệp lớn (Pecten maximus) mức dư lượng tối đa chỉ áp dụng cho cơ khép và tuyến sinh dục. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng điều 3(1) và (2).
3.4.7.1	Sò điệp	0,10	
3.4.7.2	Động vật thân mềm hai vỏ khác không được liệt kê trong điểm 3.4.7.1	0,50	
3.4.8	Động vật chân đầu	0,050	Áp dụng mức dư lượng tối đa cho trọng lượng ướt. Áp dụng mức dư lượng tối đa cho động vật sau khi loại bỏ nội tạng. Trong trường hợp thực phẩm khô, sản phẩm có bổ sung nước hoặc thành phần nguyên liệu khác (diluted), chế biến và/hoặc là sản phẩm hỗn hợp, áp dụng điều 3(1) và (2).